ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐIỀM THỤY	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 44/TB-UBND	*Điềm Thụy, ngày 24 tháng 02 năm 2026*

THÔNG BÁO
Về việc công khai danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Điềm Thụy

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên về công bố danh mục thủ tục hành chính (TTHC);

UBND xã Điềm Thụy thông báo công khai danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã và danh mục thủ tục hành chính phi địa giới hành chính thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Điềm Thụy, cụ thể như sau:

Tổng số thủ tục hành chính: **2.096** *(Trong đó: 403 TTHC thuộc thẩm quyền cấp xã và 1.795 TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính).*

(Có danh mục chi tiết kèm theo)

- Phạm vi áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương.

- Địa điểm tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Điềm Thụy.

UBND xã Điềm Thụy thông báo đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng ban, đơn vị thuộc xã;
- Các xóm trên địa bàn xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, TTPVHCC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Tám

Phụ lục I

DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (403 TTHC)

(Kèm theo Thông báo số 44/TB-UBND ngày 24/02/2026 của UBND xã Điềm Thụy)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Đối tượng	Lĩnh vực	Cơ quan công khai	Cấp thực hiện	Tình trạng
1	2.001944.000.00.00.H55	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	2356/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
2	1.004946.000.00.00.H55	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	2356/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
3	1.006390.000.00.00.H55	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	2406/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
4	1.005412.000.00.00.H55	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	164/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo hiểm (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
5	2.001955.000.00.00.H55	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	2334/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lao động, tiền lương (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

6	1.000502.000.00.00.H55	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	1135/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
7	1.004901.000.00.00.H55	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2300/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
8	1.005010.000.00.00.H55	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2300/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
9	1.004979.000.00.00.H55	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	2300/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
10	1.004982.000.00.00.H55	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2300/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
11	1.005378.000.00.00.H55	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2300/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai

12	1.005277.000.00.00.H55	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	2300/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
13	2.002123.000.00.00.H55	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2404/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
14	1.005280.000.00.00.H55	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	2300/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
15	2.000575.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	233/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
16	1.001266.000.00.00.H55	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	233/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
17	1.001570.000.00.00.H55	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	233/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai

18	2.000720.000.00.00.H55	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	233/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
19	1.001612.000.00.00.H55	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	233/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
20	2.001921.000.00.00.H55	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	2302/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
21	2.000535.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	110/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
22	2.000591.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	110/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

23	1.000314.000.00.00.H55	Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	2302/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
24	2.000150.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
25	2.000162.000.00.00.H55	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
26	2.000181.000.00.00.H55	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
27	2.001240.000.00.00.H55	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	2353/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
28	2.000615.000.00.00.H55	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	2353/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
29	2.000620.000.00.00.H55	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

30	1.001279.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
31	2.000629.000.00.00.H55	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	1601/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
32	2.000633.000.00.00.H55	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
33	2.001942.000.00.00.H55	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	2356/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
34	1.004941.000.00.00.H55	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	2356/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
35	2.001947.000.00.00.H55	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2356/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

36	1.001653.000.00.00.H55	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	1013/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
37	1.001699.000.00.00.H55	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	1013/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
38	2.001661.000.00.00.H55	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
39	1.001731.000.00.00.H55	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	2356/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
40	1.001776.000.00.00.H55	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	2356/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
41	1.004283.000.00.00.H55	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
42	2.001770.000.00.00.H55	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành .	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

43	1.004232.000.00.00.H55	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
44	1.004228.000.00.00.H55	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
45	1.004223.000.00.00.H55	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
46	1.004211.000.00.00.H55	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
47	1.004179.000.00.00.H55	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP)	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
48	1.004167.000.00.00.H55	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

49	1.001662.000.00.00.H55	Đăng ký khai thác nước dưới đất	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
50	1.000824.000.00.00.H55	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (cấp tỉnh)	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
51	1.003596.000.00.00.H55	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	1645/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
52	1.003440.000.00.00.H55	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1164/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
53	1.003446.000.00.00.H55	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1164/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
54	2.001621.000.00.00.H55	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự	1164/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

		toán cho UBND cấp xã thực hiện)						
55	1.004498.000.00.00.H55	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	73/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
56	1.003956.000.00.00.H55	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	73/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
57	1.003471.000.00.00.H55	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	2393/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
58	1.003347.000.00.00.H55	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	2393/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
59	1.003434.000.00.00.H55	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	2303/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
60	1.004656.000.00.00.H55	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có	73/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

		nguồn gốc khai thác từ tự nhiên						
61	1.004680.000.00.00.H55	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	73/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
62	2.001827.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	2331/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
63	1.003622.000.00.00.H55	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	260/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
64	2.000635.000.00.00.H55	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

65	2.000884.000.00.00.H55	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	1818/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
66	2.002165.000.00.00.H55	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	31/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
67	2.000497.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
68	1.004746.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
69	1.004772.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

70	1.004884.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
71	1.004873.000.00.00.H55	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
72	1.004859.000.00.00.H55	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
73	1.004845.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
74	1.004837.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký giám hộ	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
75	1.000419.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
76	1.000593.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

77	1.003583.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
78	1.000656.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký khai tử	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
79	1.000689.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
80	1.001022.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
81	1.000894.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký kết hôn	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
82	1.001193.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký khai sinh	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
83	2.001019.000.00.00.H55	Chứng thực di chúc	1818/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

84	2.000513.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
85	1.000893.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
86	2.000522.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
87	2.000547.000.00.00.H55	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
88	2.000554.000.00.00.H55	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
89	2.002189.000.00.00.H55	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

90	2.000748.000.00.00.H55	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
91	2.000756.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
92	1.001669.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
93	1.001695.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
94	2.000779.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
95	1.001766.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
96	2.000806.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

97	2.000528.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
98	2.000815.000.00.00.H55	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	1818/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
99	1.002693.000.00.00.H55	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	1697/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
100	1.003658.000.00.00.H55	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

				nước ngoài; Hợp tác xã				
101	2.001659.000.00.00.H55	Xóa đăng ký phương tiện	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
102	1.003930.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
103	2.001261.000.00.00.H55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	1601/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
104	2.001270.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	1601/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

105	2.001283.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	1601/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
106	1.003970.000.00.00.H55	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
107	1.004002.000.00.00.H55	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
108	2.001711.000.00.00.H55	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

109	1.004036.000.00.00.H55	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
110	1.004047.000.00.00.H55	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
111	1.004088.000.00.00.H55	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
112	1.005040.000.00.00.H55	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

				doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã				
113	2.001023.000.00.00.H55	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2543/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
114	2.000986.000.00.00.H55	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2543/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
115	2.002080.000.00.00.H55	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	3062/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
116	2.000930.000.00.00.H55	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	2543/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
117	2.001255.000.00.00.H55	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	2278/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
118	2.001406.000.00.00.H55	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	1818/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

119	2.001016.000.00.00.H55	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	1818/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
120	2.001035.000.00.00.H55	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	1818/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
121	2.000992.000.00.00.H55	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	1818/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
122	2.000942.000.00.00.H55	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	1818/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
123	2.000927.000.00.00.H55	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	1818/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

124	2.000913.000.00.00.H55	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	1818/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
125	2.000908.000.00.00.H55	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
126	2.000477.000.00.00.H55	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	2356/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
127	2.000355.000.00.00.H55	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	2356/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
128	1.004944.000.00.00.H55	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	2356/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
129	2.000282.000.00.00.H55	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	2356/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

130	2.000286.000.00.00.H55	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	2356/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
131	2.000134.000.00.00.H55	Khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	1134/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
132	2.000794.000.00.00.H55	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở	155/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
133	1.005461.000.00.00.H55	Đăng ký lại khai tử	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
134	1.006391.000.00.00.H55	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
135	1.001257.000.00.00.H55	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

		cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương						
136	2.001396.000.00.00.H55	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
137	2.001157.000.00.00.H55	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
138	1.005132.000.00.00.H55	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	1135/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
139	1.004964.000.00.00.H55	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	1178/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
140	2.001960.000.00.00.H55	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	2403/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

141	2.001958.000.00.00.H55	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2300/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
142	2.002228.000.00.00.H55	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	2300/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
143	2.002226.000.00.00.H55	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	2544/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
144	1.000288.000.00.00.H55	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	2405/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
145	1.000715.000.00.00.H55	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	2405/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
146	1.000280.000.00.00.H55	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	2405/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
147	1.000713.000.00.00.H55	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	2405/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

148	1.000711.000.00.00.H55	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	2405/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
149	1.000691.000.00.00.H55	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	2405/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
150	1.001714.000.00.00.H55	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	2404/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
151	1.002407.000.00.00.H55	Xét, cấp học bổng chính sách	2426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
152	2.001842.000.00.00.H55	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	2406/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
153	1.004552.000.00.00.H55	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	2406/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
154	1.004563.000.00.00.H55	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

155	1.001639.000.00.00.H55	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
156	1.006444.000.00.00.H55	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	2406/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
157	1.006445.000.00.00.H55	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
158	1.001622.000.00.00.H55	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	2426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
159	1.005099.000.00.00.H55	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	2426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
160	2.001904.000.00.00.H55	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	3475/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
161	1.005108.000.00.00.H55	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	3979/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

162	1.003702.000.00.00.H55	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	775/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
163	1.008004.000.00.00.H55	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	1271/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
164	1.007919.000.00.00.H55	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	225/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
165	2.001627.000.00.00.H55	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	2393/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
166	2.001008.000.00.00.H55	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công	1818/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

		chứng						
167	2.001263.000.00.00.H55	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	196/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
168	2.002307.000.00.00.H55	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	3004/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
169	2.002308.000.00.00.H55	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
170	2.002284.000.00.00.H55	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	2403/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
171	1.009454.000.00.00.H55	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

172	1.009453.000.00.00.H55	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
173	1.009452.000.00.00.H55	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
174	1.009447.000.00.00.H55	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
175	1.009444.000.00.00.H55	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

176	2.001215.000.00.00.H55	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
177	2.001211.000.00.00.H55	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
178	1.009455.000.00.00.H55	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
179	1.009465.000.00.00.H55	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

				tác xã				
180	2.001214.000.00.00.H55	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
181	2.001212.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
182	1.005090.000.00.00.H55	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	2404/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
183	2.001088.000.00.00.H55	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	1839/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

184	2.002363.000.00.00.H55	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	196/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
185	2.002396.000.00.00.H55	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	2395/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
186	2.002409.000.00.00.H55	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	2395/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
187	1.010091.000.00.00.H55	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	2351/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
188	1.010092.000.00.00.H55	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	2351/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
189	3.000182.000.00.00.H55	Tuyển sinh trung học cơ sở	2404/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

190	1.008950.000.00.00.H55	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	2426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
191	1.008951.000.00.00.H55	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	2426/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
192	1.008724.000.00.00.H55	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	2406/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
193	1.008725.000.00.00.H55	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	2406/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
194	1.010733.000.00.00.H55	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Cấp tỉnh) (1.010733)	2358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp,	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

				HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã; Tổ chức Đảng; Đảng viên				
195	1.010736.000.00.00.H55	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	1238/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
196	1.010802.000.00.00.H55	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
197	1.010803.000.00.00.H55	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
198	1.010804.000.00.00.H55	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

199	1.010811.000.00.00.H55	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	1178/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
200	1.010814.000.00.00.H55	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
201	1.010801.000.00.00.H55	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
202	1.010805.000.00.00.H55	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
203	1.010810.000.00.00.H55	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
204	1.010812.000.00.00.H55	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	1178/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

205	1.010817.000.00.00.H55	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
206	1.010818.000.00.00.H55	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
207	1.010820.000.00.00.H55	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
208	1.010824.000.00.00.H55	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
209	1.010825.000.00.00.H55	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
210	1.010815.000.00.00.H55	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
211	1.010816.000.00.00.H55	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

212	1.010819.000.00.00.H55	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
213	1.010821.000.00.00.H55	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
214	1.010829.000.00.00.H55	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1178/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
215	1.010833.000.00.00.H55	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
216	1.010830.000.00.00.H55	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
217	2.002481.000.00.00.H55	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	2404/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

218	2.002482.000.00.00.H55	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	2426/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
219	2.002483.000.00.00.H55	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	2426/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
220	1.010945.000.00.00.H55	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	1653/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
221	2.002501.000.00.00.H55	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	1653/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
222	1.011.250	Thủ tục hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng	2120/QĐ-UBND (Công bố thủ tục hành chính)	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
223	2.000424.000.00.00.H55	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	61/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

224	1.011471.H55	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	206/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
225	2.002516.H55	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
226	1.002211.H55	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	2543/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
227	1.011606.H55	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	2372/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
228	1.011607.H55	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	1227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
229	1.011608.H55	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	1227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
230	1.011609.H55	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	1227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

231	1.011518.H55	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước .	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
232	2.000950.H55	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	2543/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
233	1.012091.H55	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	1509/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
234	1.012.190	Thủ tục hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (cấp xã)	3306/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
235	1.012085.H55	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	3315/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
236	1.012084.H55	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	3315/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
237	1.012222.H55	Công nhận người có uy tín	2409/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

238	1.012223.H55	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	2409/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
239	3.000250.H55	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	2307/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
240	1.012299.H55	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	552/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
241	1.012301.H55	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	552/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
242	1.012300.H55	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	552/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
243	2.001217.H55	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

		hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát		doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã				
244	2.001218.H55	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
245	2.002620.H55	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	1874/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
246	1.012500.H55	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
247	1.012537.H55	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ	1704/UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Công an)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

248	1.012538.H55	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ	1704/UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Công an)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
249	1.012584.H55	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	1344/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
250	1.012582.H55	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	1344/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
251	1.012591.H55	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	1344/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
252	1.012592.H55	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	1344/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
253	1.012590.H55	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	2409/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

254	1.012585.H55	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	2409/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
255	1.012569.H55	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	2456/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
256	1.012568.H55	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	2456/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
257	1.012694.H55	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	225/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Đảng viên	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
258	1.012695.H55	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	1388/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
259	1.012836.H55	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	2306/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

260	1.012837.H55	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	2306/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
261	1.012753.H55	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	1063/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
262	2.002638.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	2404/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
263	2.002642.H55	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	2300/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai

264	2.002643.H55	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2404/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
265	2.002637.H55	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	2300/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
266	2.002639.H55	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	2300/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
267	2.002635.H55	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	2300/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
268	2.002636.H55	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	2300/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai

269	2.002648.H55	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2404/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
270	2.002640.H55	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	2300/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
271	2.002649.H55	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2300/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
272	2.002641.H55	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2404/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
273	1.012812.H55	Hòa giải tranh chấp đất đai	2354/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
274	1.012818.H55	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản	2354/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

		gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi						
275	1.012817.H55	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	2354/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
276	1.012796.H55	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	2354/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
277	2.002668.H55	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2581/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
278	1.012888.H55	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	2304/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
279	1.012922.H55	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	225/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

280	3.000315.H55	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
281	3.000309.H55	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	2406/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
282	1.012964.H55	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
283	1.012965.H55	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	2406/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
284	3.000307.H55	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

285	3.000308.H55	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
286	1.012969.H55	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
287	1.012970.H55	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	2406/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
288	1.012961.H55	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
289	1.012962.H55	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
290	1.012963.H55	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
291	1.012972.H55	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	2406/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

292	1.012973.H55	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
293	1.012974.H55	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
294	1.012975.H55	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
295	1.012966.H55	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	2406/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
296	1.012967.H55	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
297	1.012968.H55	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

298	1.012971.H55	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
299	1.012994.H55	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	2300/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
300	1.012995.H55	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	2877/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
301	1.012996.H55	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	2877/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
302	1.013040.H55	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	2300/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
303	1.013061.H55	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	2302/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

304	1.013239.H55	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	2301/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
305	1.013234.H55	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	99/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
306	1.013229.H55	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	311/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
307	1.013232.H55	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	311/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

308	1.013226.H55	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	311/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
309	1.013227.H55	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	311/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
310	1.013225.H55	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô	311/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

		thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ						
311	1.013228.H55	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	311/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
312	1.013274.H55	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	2302/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
313	3.000322.H55	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
314	3.000323.H55	Đăng ký giám sát việc giám hộ	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

315	3.000325.H55	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	534/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
316	3.000327.H55	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	2300/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
317	3.000326.H55	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	2300/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
318	1.013128.H55	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển và các cơ sở, dự án trên địa bàn xã không thuộc đối tượng kinh doanh, vận chuyển xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu mức độ nhỏ (dung tích chứa dưới 50 m3)	890/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Ứng phó sự cố tràn dầu (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
319	1.013314.H55	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	2332/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

320	3.000410.H55	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	2463/QĐ-UBND.	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
321	3.000412.H55	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	1227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
322	2.002770.H55	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	1395/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
323	2.002771.H55	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	1395/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
324	1.013734.H55	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .	2229/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
325	1.013707.H55	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	2227/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
326	1.013708.H55	Hội tự giải thể	2227/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

327	1.013709.H55	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	2227/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
328	1.013710.H55	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	2227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
329	1.013702.H55	Công nhận ban vận động thành lập hội	2227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
330	1.013704.H55	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	2227/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
331	1.013706.H55	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	2227/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
332	1.013703.H55	Thành lập hội	2227/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
333	1.013711.H55	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	2227/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

334	1.013714.H55	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	2227/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
335	1.013715.H55	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	2227/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
336	1.013712.H55	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	2227/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
337	1.013713.H55	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	2227/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
338	1.013716.H55	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	2227/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
339	1.013717.H55	Quỹ tự giải thể	2227/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
340	1.013855.H55	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản	1152/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

		lý của Bộ Y tế		đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã				
341	1.013997.H55	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	2306/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
342	1.013792.H55	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2193/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
343	1.013793.H55	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2408/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
344	1.013795.H55	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2408/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
345	2.000206.H55	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	2353/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

				tác xã				
346	3.000468.H55	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	2405/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
347	1.013791.H55	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	2408/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
348	1.013794.H55	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2408/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
349	1.013798.H55	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	1344/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
350	1.013797.H55	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	1344/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

351	1.013796.H55	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	2409/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
352	1.013962.H55	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ	1063/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

		về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở						
353	1.013952.H55	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	1063/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
354	1.004844.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	2422/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
355	1.013949.H55	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho	1063/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

		thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất						
356	1.013950.H55	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	1063/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
357	1.013978.H55	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	1063/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
358	1.013979.H55	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	2354/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
359	1.013953.H55	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	1063/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

360	1.013967.H55	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	2354/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
361	1.013965.H55	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	1063/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
362	1.013768.H55	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	2393/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
363	1.013750.H55	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
364	3.000467.H55	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	2405/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
365	1.014028.H55	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	222/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

				tác xã				
366	1.014027.H55	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	222/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
367	1.014035.H55	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	233/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
368	1.014034.H55	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	233/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
369	1.014111.H55	Thi tuyển công chức	250/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
370	1.014113.H55	Xét tuyển công chức	250/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
371	1.014116.H55	Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	250/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

372	3.000502.H55	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	282/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
373	1.014128.H55	Cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án	345/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
374	1.014155.H55	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	991/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
375	1.014156.H55	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	991/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
376	1.014158.H55	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	991/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
377	1.014157.H55	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	991/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

378	1.014159.H55	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	991/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
379	3.000510.H55	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết	910/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
380	3.000509.H55	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị thương	910/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
381	3.000494.H55	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	910/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
382	1.014193.H55	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	887/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Bảo hiểm y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

383	1.014275.H55	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	1063/QĐ-UBND.	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
384	1.014259.H55	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp Xã)	1085/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
385	1.014258.H55	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp Xã)	1085/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
386	1.014310.H55	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	1062/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
387	1.014312.H55	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	1062/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
388	1.014335.H55	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	1250/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

389	1.014336.H55	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	1250/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
390	1.014337.H55	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	1250/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
391	1.014352.H55	Thủ tục tuyển chọn chuyên gia	1343/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Lao động (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
392	1.014359.H55	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	1489/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
393	1.014371.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã	1559/QĐ-UBND.	Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

394	3.000527.H55	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	1490/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Tổ chức cai nghiên ma túy và quản lý sau cai nghiện (Bộ Công an)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
395	1.013313.H55	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	2332/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
396	1.014535.H55	Quyết định miễn, giảm tiền thuê nhà cho tổ chức, cá nhân thuê nhà	2463/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
397	2.002821.H55	Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên	79/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
398	1.014632.H55	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	89/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Đảng viên	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
399	2.002761.H55	Thủ tục xác nhận cán bộ Quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo	113/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
400	1.014737.H55	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng	211/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

401	1.014736.H55	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	211/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
402	1.014801.H55	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	222/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã; Tổ chức Đảng; Đảng viên	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai
403	1.014832.H55	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	225/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Xã	Công khai

Phụ lục II

DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (1795 TTHC)

(Kèm theo Thông báo số 44/TB-UBND ngày 24/02/2026 của UBND xã Điềm Thụy)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Đối tượng	Lĩnh vực	Cơ quan công khai	Cấp thực hiện	Tình trạng
1	2.001100.000.00.00.H55	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định (cấp tỉnh)	2309/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
2	1.002798.000.00.00.H55	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	2302/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
3	2.000229.000.00.00.H55	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	1601/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
4	2.000619.000.00.00.H55	Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	1405/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý bán hàng đa cấp (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

5	1.0051 34.000. 00.00. H55	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu, dùng chung với đường sắt	2422/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
6	1.0049 46.000. 00.00. H55	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	2356/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
7	1.0041 53.000. 00.00. H55	Cấp giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	800/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
8	1.0033 84.000. 00.00. H55	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	800/QĐ-UBND	Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
9	1.0016 23.000. 00.00. H55	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	1508/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

10	2.002546.H55	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	216/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
11	3.000214.H55	Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (cấp Tỉnh)	2141/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
12	1.012661.H55	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	2409/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
13	1.012883.H55	Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	2630/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

14	3.000305.H55	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
15	1.013411.H55	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
16	2.001322.H55	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	753/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
17	2.001573.H55	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý bán hàng đa cấp (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
18	2.002777.H55	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức nước ngoài	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

19	2.001236.H55	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	223QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
20	1.000704.H55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
21	1.014272.H55	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
22	1.014451.H55	Thủ tục đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tài trợ, đặt hàng về đổi mới công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.	1908/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
23	1.014727.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh	135/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

24	1.014748.H55	Hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh)	173/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
25	1.014836.H55	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	225/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
26	1.005411.000.00.00.H55	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp	164/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo hiểm (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
27	2.002169.000.00.00.H55	Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	3293/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Bảo hiểm (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
28	1.002022.000.00.00.H55	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	260/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

29	1.0020 13.000. 00.00. H55	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	260/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
30	1.0017 82.000. 00.00. H55	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	260/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
31	1.0012 29.000. 00.00. H55	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	2193/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
32	1.0012 11.000. 00.00. H55	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	260/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
33	1.0011 91.000. 00.00. H55	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	260/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

34	1.001182.000.00.00.H55	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	260/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
35	1.001147.000.00.00.H55	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	260/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
36	1.000479.000.00.00.H55	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1238/QQ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Lao động, tiền lương (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
37	1.000464.000.00.00.H55	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1238/QQ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Lao động, tiền lương (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
38	1.000448.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1238/QQ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Lao động, tiền lương (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

39	1.000436.000.00.00.H55	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1238/QQ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Lao động, tiền lương (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
40	1.000414.000.00.00.H55	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	1147/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lao động, tiền lương (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
41	2.001955.000.00.00.H55	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	2334/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lao động, tiền lương (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
42	1.000502.000.00.00.H55	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	1135/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
43	2.001921.000.00.00.H55	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung	2302/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

		trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ						
44	1.004993.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
45	1.004242.000.00.00.H55	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
46	1.001765.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

47	1.0052 10.000. 00.00. H55	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	1508/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
48	1.0017 77.000. 00.00. H55	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
49	2.0007 69.000. 00.00. H55	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở bồi dưỡng đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động)	436/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
50	1.0007 03.000. 00.00. H55	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

51	1.0022 68.000. 00.00. H55	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1508/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
52	1.0022 86.000. 00.00. H55	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
53	1.0010 46.000. 00.00. H55	Chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	3254/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
54	2.0001 89.000. 00.00. H55	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	2406/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

55	1.000389.000.00.00.H55	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	2406/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
56	2.002058.000.00.00.H55	Xác nhận chuyên gia (cấp tỉnh)	1382/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
57	1.000049.000.00.00.H55	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	1058/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
58	1.001778.000.00.00.H55	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	260/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

59	1.001029.000.00.00.H55	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	36/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
60	2.001208.000.00.00.H55	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (cấp tỉnh)	2309/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
61	2.001259.000.00.00.H55	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	2309/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
62	1.001517.000.00.00.H55	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	2193/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
63	1.005162.000.00.00.H55	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	36/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

64	1.001195.000.00.00.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	36/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
65	1.000904.000.00.00.H55	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	36/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
66	1.000883.000.00.00.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	2193/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
67	1.000842.000.00.00.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	36/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
68	2.002188.000.00.00.H55	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	36/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

69	1.000560.000.00.00.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	36/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
70	1.000544.000.00.00.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	2193/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
71	1.000485.000.00.00.H55	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	36/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
72	1.001801.000.00.00.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	2193/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
73	1.001056.000.00.00.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	2193/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

74	1.003490.000.00.00.H55	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	260/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
75	1.000830.000.00.00.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Diều bay	2193/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
76	2.000535.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	110/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
77	2.000591.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	110/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
78	1.003687.000.00.00.H55	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	1156/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Bưu chính (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

79	1.0036 33.000. 00.00. H55	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (cấp tỉnh)	1156/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Bưu chính (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
80	2.0010 98.000. 00.00. H55	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	2193/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
81	1.0050 24.000. 00.00. H55	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
82	1.0050 21.000. 00.00. H55	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

83	1.0003 14.000. 00.00. H55	Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	2302/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
84	1.0006 72.000. 00.00. H55	Công bố lại bến xe khách	1508/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
85	1.0006 60.000. 00.00. H55	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	1508/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
86	1.0010 61.000. 00.00. H55	Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	3254/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
87	1.0017 51.000. 00.00. H55	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	1508/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

88	1.0000 28.000. 00.00. H55	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
89	1.0051 90.000. 00.00. H55	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	110/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giám định thương mại (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
90	2.0001 10.000. 00.00. H55	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	110/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giám định thương mại (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
91	2.0001 67.000. 00.00. H55	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
92	2.0001 76.000. 00.00. H55	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	1420/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

93	2.000190.000.00.00.H55	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
94	2.000622.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	1420/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
95	2.000204.000.00.00.H55	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	1420/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
96	2.000626.000.00.00.H55	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
97	2.000197.000.00.00.H55	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	1420/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

98	2.000640.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	1420/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
99	2.000637.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
100	2.000647.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	1154/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
101	2.000645.000.00.00.H55	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	1154/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
102	2.000648.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	110/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

103	2.000669.000.00.00.H55	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	1154/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
104	2.000672.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	1154/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
105	2.000673.000.00.00.H55	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	110/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
106	2.000666.000.00.00.H55	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	1154/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
107	2.000664.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	1154/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

108	2.000255.000.00.00.H55	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	110/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
109	2.000370.000.00.00.H55	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	110/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
110	2.000362.000.00.00.H55	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	110/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
111	2.000351.000.00.00.H55	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	110/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

112	2.000340.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	110/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
113	2.000330.000.00.00.H55	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	110/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
114	2.000272.000.00.00.H55	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	110/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
115	2.000361.000.00.00.H55	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	110/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
116	1.000774.000.00.00.H55	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

117	2.000339.000.00.00.H55	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	1601/QĐ-UBND	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
118	2.000334.000.00.00.H55	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện dích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m2	1601/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
119	2.000322.000.00.00.H55	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	1601/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
120	2.002166.000.00.00.H55	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	1601/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

121	2.000665.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	1601/QĐ-UBND	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
122	1.001441.000.00.00.H55	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
123	2.000662.000.00.00.H55	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
124	2.001661.000.00.00.H55	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
125	1.000449.000.00.00.H55	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	2309/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

126	2.000212.000.00.00.H55	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	2309/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
127	2.001207.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	2309/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
128	2.001209.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	2309/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
129	1.003401.000.00.00.H55	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	1601/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
130	2.001433.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

131	2.0014 34.000. 00.00. H55	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
132	2.0001 72.000. 00.00. H55	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	39/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
133	2.0002 21.000. 00.00. H55	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	39/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
134	2.0002 10.000. 00.00. H55	Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	1601/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
135	2.0000 01.000. 00.00. H55	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam.	2981/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

136	2.0001 31.000. 00.00. H55	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại Việt Nam.	2981/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
137	2.0014 74.000. 00.00. H55	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	2981/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
138	2.0000 02.000. 00.00. H55	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2981/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
139	2.0000 04.000. 00.00. H55	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2981/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

140	1.003743.000.00.H55	Thủ tục kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu cấp tỉnh	799/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
141	1.003784.000.00.H55	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	799/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
142	1.001432.000.00.H55	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	125/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
143	1.001440.000.00.H55	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	125/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
144	2.000609.000.00.H55	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	1405/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý bán hàng đa cấp (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

145	1.001455.000.00.00.H55	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	125/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
146	1.004503.000.00.00.H55	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	125/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
147	2.000631.000.00.00.H55	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý bán hàng đa cấp (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
148	1.004551.000.00.00.H55	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	125/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
149	2.000309.000.00.00.H55	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý bán hàng đa cấp (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

150	1.004572.000.00.00.H55	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	125/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
151	1.004580.000.00.00.H55	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	125/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
152	1.004594.000.00.00.H55	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	125/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
153	1.004605.000.00.00.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	36/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
154	1.004614.000.00.00.H55	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	125/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

155	1.004623.000.00.H55	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	125/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
156	1.004628.000.00.H55	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	125/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
157	1.001837.000.00.H55	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	260/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
158	1.003002.000.00.H55	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	125/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
159	1.003275.000.00.H55	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	125/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

160	1.003240.000.00.00.H55	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	125/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
161	1.003717.000.00.00.H55	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	125/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
162	2.001622.000.00.00.H55	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	125/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
163	2.001616.000.00.00.H55	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	125/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
164	2.001628.000.00.00.H55	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	125/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

165	1.0045 28.000. 00.00. H55	Thủ tục công nhận điểm du lịch	260/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
166	2.0011 16.000. 00.00. H55	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	2354/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Giám định tư pháp (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
167	1.0009 43.000. 00.00. H55	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	1014/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Khí tượng, thủy văn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
168	2.0018 50.000. 00.00. H55	Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
169	1.0042 83.000. 00.00. H55	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

170	2.001770.000.00.00.H55	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành .	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
171	1.004253.000.00.00.H55	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
172	1.004232.000.00.00.H55	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
173	1.004228.000.00.00.H55	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
174	1.004223.000.00.00.H55	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

175	1.0042 11.000. 00.00. H55	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
176	1.0041 79.000. 00.00. H55	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP)	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
177	1.0041 67.000. 00.00. H55	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
178	1.0041 22.000. 00.00. H55	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
179	2.0017 38.000. 00.00. H55	Gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

180	1.000987.000.00.H55	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	1014/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Khí tượng, thủy văn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
181	1.000970.000.00.H55	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	1014/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Khí tượng, thủy văn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
182	1.000824.000.00.H55	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (cấp tỉnh)	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
183	2.001179.000.00.H55	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	216/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

184	1.0028 77.000. 00.00. H55	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
185	1.0028 56.000. 00.00. H55	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
186	1.0020 63.000. 00.00. H55	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
187	1.0010 23.000. 00.00. H55	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

188	1.001577.000.00.H55	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
189	2.002001.000.00.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	2219/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
190	2.001998.000.00.H55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	2219/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
191	1.003901.000.00.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	2691/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
192	2.001641.000.00.H55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	2691/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

193	1.0011 06.000. 00.00. H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật	2691/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
194	1.0037 38.000. 00.00. H55	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật	2691/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
195	1.0033 71.000. 00.00. H55	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	1645/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
196	1.0033 88.000. 00.00. H55	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	775/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
197	1.0046 92.000. 00.00. H55	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thuỷ sản lồng bè, đối tượng thuỷ sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc	222/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)						
198	1.0049 13.000. 00.00. H55	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	222/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
199	1.0049 15.000. 00.00. H55	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	222/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
200	1.0049 18.000. 00.00. H55	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thuỷ sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	222/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

201	1.003188.000.00.00.H55	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	2393/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
202	1.003203.000.00.00.H55	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	2393/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
203	1.003211.000.00.00.H55	Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	2393/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
204	1.003221.000.00.00.H55	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1164/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

205	1.003232.000.00.00.H55	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1164/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
206	1.003921.000.00.00.H55	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	2393/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
207	1.003893.000.00.00.H55	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	2393/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
208	1.003867.000.00.00.H55	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	1164/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

209	2.001804.000.00.00.H55	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	1164/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
210	1.004427.000.00.00.H55	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	2393/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
211	2.001796.000.00.00.H55	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	2393/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
212	2.001795.000.00.00.H55	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tich UBND cấp tỉnh.	2393/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

213	2.001793.000.00.H55	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	2393/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
214	1.004385.000.00.H55	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	2393/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
215	2.001791.000.00.H55	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	2393/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
216	2.001426.000.00.H55	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	2393/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

217	2.001401.000.00.H55	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	2393/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
218	1.003880.000.00.H55	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	2393/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
219	1.003870.000.00.H55	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	2393/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

220	2.000873.000.00.00.H55	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã; Đảng viên	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
221	1.002338.000.00.00.H55	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	114/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã; Tổ chức Đảng; Đảng viên	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
222	1.004022.000.00.00.H55	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	2306/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
223	1.004839.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	221/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

				nước ngoài; Hợp tác xã				
224	1.005319.000.00.00.H55	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y	221/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
225	2.001064.000.00.00.H55	Gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y	221/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
226	2.001827.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	2331/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
227	2.001838.000.00.00.H55	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	1294/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

228	2.0012 41.000. 00.00. H55	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	1294/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
229	1.0000 45.000. 00.00. H55	Xác nhận bảng kê lâm sản	37/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
230	1.0000 71.000. 00.00. H55	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	1388/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
231	1.0000 81.000. 00.00. H55	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	225/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
232	1.0000 84.000. 00.00. H55	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	225/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

233	1.000047.000.00.00.H55	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	206/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
234	1.000055.000.00.00.H55	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	2307/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
235	1.003486.000.00.00.H55	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	1162/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
236	1.003524.000.00.00.H55	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	1162/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

237	1.003397.000.00.H55	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	2303/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
238	1.003695.000.00.H55	Công nhận làng nghề	1445/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
239	1.003712.000.00.H55	Công nhận nghề truyền thống	2303/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
240	1.003727.000.00.H55	Công nhận làng nghề truyền thống	2303/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
241	1.004363.000.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	223QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

242	1.004346.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	223QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
243	1.003984.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	1271/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
244	1.003676.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	2408/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
245	1.003654.000.00.00.H55	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	2408/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
246	2.000635.000.00.00.H55	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

247	2.000840.000.00.00.H55	Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	396/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
248	2.002192.000.00.00.H55	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp tỉnh)	31/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
249	2.002193.000.00.00.H55	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường (cấp tỉnh)	31/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
250	2.002191.000.00.00.H55	Phục hồi danh dự (cấp tỉnh)	2279/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
251	2.000592.000.00.00.H55	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	334/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

252	1.001233.000.00.00.H55	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	396/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
253	2.000596.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	2543/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
254	2.000518.000.00.00.H55	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	334/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
255	2.000587.000.00.00.H55	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	334/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
256	2.000829.000.00.00.H55	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	32/UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

257	2.000954.000.00.00.H55	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	2543/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
258	2.000970.000.00.00.H55	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	2543/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
259	2.000977.000.00.00.H55	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	2543/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
260	1.005136.000.00.00.H55	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	2677/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quốc tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
261	2.002038.000.00.00.H55	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	2677/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Quốc tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

262	2.002039.000.00.00.H55	Nhập quốc tịch Việt Nam ở trong nước	2677/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Quốc tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
263	2.001895.000.00.00.H55	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	2677/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Quốc tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
264	1.001248.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	2361/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
265	2.000515.000.00.00.H55	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	2495/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
266	2.001716.000.00.00.H55	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	2495/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

267	1.0026 93.000. 00.00. H55	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	1697/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
268	1.0002 94.000. 00.00. H55	Bãi bỏ đường ngang	2422/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
269	1.0051 26.000. 00.00. H55	Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	2422/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
270	1.0050 58.000. 00.00. H55	Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	2422/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
271	1.0051 23.000. 00.00. H55	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu, dùng chung với đường sắt	2422/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

272	1.0046 85.000. 00.00. H55	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	2422/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
273	1.0046 81.000. 00.00. H55	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	2422/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
274	2.0016 59.000. 00.00. H55	Xóa đăng ký phương tiện	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
275	1.0039 30.000. 00.00. H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

276	2.000211.000.00.00.H55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	1420/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
277	1.000444.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	1420/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
278	2.000163.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	110/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
279	1.000481.000.00.00.H55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	1420/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
280	2.000279.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	1420/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

281	2.000354.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
282	2.000371.000.00.00.H55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	1420/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
283	2.000376.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	1420/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
284	2.000387.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	110/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
285	2.000390.000.00.00.H55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	1420/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

286	2.000156.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	1420/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
287	2.000166.000.00.00.H55	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
288	2.000180.000.00.00.H55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	1420/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
289	1.000425.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	1420/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
290	2.000196.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	110/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

291	2.000175.000.00.00.H55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	1420/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
292	2.000187.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	1420/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
293	2.000194.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	110/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
294	2.000201.000.00.00.H55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	1420/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
295	2.000207.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	1420/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

296	2.000073.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	110/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
297	2.000078.000.00.00.H55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	1420/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
298	2.000136.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	1420/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
299	2.000142.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
300	1.003970.000.00.00.H55	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

301	1.0040 02.000. 00.00. H55	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
302	2.0017 11.000. 00.00. H55	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
303	1.0040 36.000. 00.00. H55	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
304	1.0040 47.000. 00.00. H55	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

305	1.004088.000.00.H55	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
306	1.005040.000.00.H55	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
307	1.003135.000.00.H55	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
308	1.000344.000.00.H55	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

309	1.001686.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	221/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
310	2.000327.000.00.00.H55	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	1420/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
311	2.000347.000.00.00.H55	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	110/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
312	2.000450.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	1420/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
313	2.000063.000.00.00.H55	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	110/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

314	1.003160.000.00.00.H55	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	196/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
315	1.003179.000.00.00.H55	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	2278/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
316	2.002036.000.00.00.H55	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	2677/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quốc tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
317	1.001633.000.00.00.H55	Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	2357/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
318	1.001600.000.00.00.H55	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	2357/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

319	1.001842.000.00.00.H55	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	177/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
320	1.002626.000.00.00.H55	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	177/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
321	1.000404.000.00.00.H55	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	286/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tư vấn pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
322	2.000908.000.00.00.H55	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
323	1.002368.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	285/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Luật sư (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

324	1.002384.000.00.00.H55	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	285/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Luật sư (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
325	1.002398.000.00.00.H55	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	285/QĐ-UBND	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Luật sư (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
326	1.002234.000.00.00.H55	Sáp nhập công ty luật	285/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Luật sư (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
327	1.002218.000.00.00.H55	Hợp nhất công ty luật	285/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Luật sư (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
328	1.002198.000.00.00.H55	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	285/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Luật sư (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

329	1.0021 81.000. 00.00. H55	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	285/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Luật sư (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
330	1.0021 53.000. 00.00. H55	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	2250/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Luật sư (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
331	1.0020 99.000. 00.00. H55	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	285/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Luật sư (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
332	1.0020 79.000. 00.00. H55	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	285/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Luật sư (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
333	1.0020 55.000. 00.00. H55	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	285/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Luật sư (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

334	1.002032.000.00.00.H55	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	285/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Luật sư (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
335	1.002010.000.00.00.H55	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	285/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Luật sư (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
336	1.000390.000.00.00.H55	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	286/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tư vấn pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
337	1.000426.000.00.00.H55	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	2277/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Tư vấn pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
338	1.000588.000.00.00.H55	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	286/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tư vấn pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

339	1.0006 14.000. 00.00. H55	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	286/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tư vấn pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
340	1.0006 27.000. 00.00. H55	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	286/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tư vấn pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
341	1.0011 17.000. 00.00. H55	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	2543/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
342	2.0005 55.000. 00.00. H55	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	2543/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
343	2.0005 68.000. 00.00. H55	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	2543/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

344	2.000823.000.00.00.H55	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	2543/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
345	2.000890.000.00.00.H55	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	2543/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
346	2.000894.000.00.00.H55	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp cấp tỉnh	2543/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
347	2.002139.000.00.00.H55	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	1453/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
348	2.001247.000.00.00.H55	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	1453/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

349	2.001258.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	1453/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
350	2.001333.000.00.00.H55	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	1453/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
351	2.001395.000.00.00.H55	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	1453/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
352	1.003039.000.00.00.H55	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	2061/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thiết bị y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
353	1.003029.000.00.00.H55	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B	2061/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thiết bị y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

354	1.003006.000.00.00.H55	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	2061/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thiết bị y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
355	1.002467.000.00.00.H55	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
356	1.002944.000.00.00.H55	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
357	1.001386.000.00.00.H55	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	1839/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
358	1.000662.000.00.00.H55	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	1839/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

359	1.0007 93.000. 00.00. H55	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	1839/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
360	1.0009 90.000. 00.00. H55	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1839/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
361	1.0024 83.000. 00.00. H55	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	2212/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
362	1.0030 73.000. 00.00. H55	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1839/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
363	1.0030 64.000. 00.00. H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1839/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

364	1.003055.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1839/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
365	2.000314.000.00.00.H55	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	1420/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
366	1.000138.000.00.00.H55	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
367	1.000154.000.00.00.H55	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
368	2.000111.000.00.00.H55	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	1134/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

369	2.000477.000.00.00.H55	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	2356/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
370	1.004944.000.00.00.H55	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	2356/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
371	2.000282.000.00.00.H55	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	2356/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
372	2.000286.000.00.00.H55	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	2356/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
373	2.000134.000.00.00.H55	Khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	1134/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

374	2.000636.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1420/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
375	2.001619.000.00.00.H55	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1420/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
376	2.001624.000.00.00.H55	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
377	2.001630.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
378	2.001636.000.00.00.H55	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	1420/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

379	2.001646.000.00.00.H55	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
380	2.002206.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	1438/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Tin học - Thống kê (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
381	1.001158.000.00.00.H55	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	215/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	công nghiệp hỗ trợ (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
382	2.000191.000.00.00.H55	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	2394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
383	1.002003.000.00.00.H55	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	2691/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

384	1.001822.000.00.00.H55	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	2691/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
385	1.000983.000.00.00.H55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	809/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
386	1.003560.000.00.00.H55	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	125/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
387	1.003441.000.00.00.H55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	809/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
388	1.001704.000.00.00.H55	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	260/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

389	1.0024 45.000. 00.00. H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	2193/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
390	1.0046 45.000. 00.00. H55	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	260/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Quảng cáo (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
391	1.0046 50.000. 00.00. H55	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	207/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Quảng cáo (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
392	1.0016 71.000. 00.00. H55	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	260/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
393	1.0017 38.000. 00.00. H55	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	260/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

394	1.0017 55.000. 00.00. H55	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	260/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
395	1.0018 09.000. 00.00. H55	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	260/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
396	1.0018 33.000. 00.00. H55	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	260/QĐ-UBND	Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
397	2.0015 91.000. 00.00. H55	Thủ tục cấp phép khai quật khảo cổ khẩn cấp	2691/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
398	1.0037 93.000. 00.00. H55	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	2691/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

399	1.0038 38.000. 00.00. H55	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	2407/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
400	2.0016 31.000. 00.00. H55	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật	2691/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
401	1.0011 23.000. 00.00. H55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật	2691/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
402	2.0014 96.000. 00.00. H55	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	3312/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
403	1.0063 91.000. 00.00. H55	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

404	2.001269.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	2056/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
405	2.001501.000.00.00.H55	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (cấp tỉnh)	2309/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
406	2.001277.000.00.00.H55	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	2309/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
407	2.001137.000.00.00.H55	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ.	366/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
408	2.000033.000.00.00.H55	Thông báo hoạt động khuyến mại	2981/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

409	2.001737.000.00.00.H55	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in (cấp địa phương)	800/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
410	2.001740.000.00.00.H55	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in (cấp địa phương)	800/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
411	2.001744.000.00.00.H55	Cấp lại giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	800/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
412	1.003114.000.00.00.H55	Thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	2408/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
413	1.003483.000.00.00.H55	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	2408/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

414	2.0015 64.000. 00.00. H55	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (địa phương)	2193/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
415	1.0037 29.000. 00.00. H55	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương)	800/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
416	2.0015 84.000. 00.00. H55	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)	800/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
417	1.0038 68.000. 00.00. H55	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	240/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
418	2.0011 71.000. 00.00. H55	Cho phép họp báo trong nước (địa phương)	800/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

419	2.001173.000.00.00.H55	Cho phép họp báo nước ngoài (địa phương)	800/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
420	1.003888.000.00.00.H55	Thủ tục trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	800/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Thông tin đối ngoại (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
421	2.001087.000.00.00.H55	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	800/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
422	2.001091.000.00.00.H55	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	800/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
423	1.005452.000.00.00.H55	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	800/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

424	2.001765.000.00.00.H55	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	800/QĐ-UBND	Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
425	1.005442.000.00.00.H55	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	1156/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Bưu chính (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
426	1.004470.000.00.00.H55	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp tỉnh)	1156/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Bưu chính (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
427	1.004379.000.00.00.H55	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	1156/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Bưu chính (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
428	1.003659.000.00.00.H55	Cấp giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	1156/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Bưu chính (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

429	1.001257.000.00.H55	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
430	2.001396.000.00.H55	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
431	2.001157.000.00.H55	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
432	1.001806.000.00.H55	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	1013/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

433	1.000091.000.00.00.H55	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
434	2.000027.000.00.00.H55	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
435	2.000025.000.00.00.H55	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
436	2.000632.000.00.00.H55	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục	778/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

437	1.0051 32.000. 00.00. H55	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	1135/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
438	1.0049 64.000. 00.00. H55	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	1178/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
439	2.0019 59.000. 00.00. H55	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2403/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
440	1.0045 39.000. 00.00. H55	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	1839/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đào tạo và Nghiên cứu khoa học (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

441	1.001392.000.00.00.H55	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (cấp tỉnh)	2309/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
442	1.002396.000.00.00.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	2193/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
443	2.001509.000.00.00.H55	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh	752/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
444	1.005008.000.00.00.H55	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
445	1.004988.000.00.00.H55	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

446	1.0049 99.000. 00.00. H55	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
447	1.0049 91.000. 00.00. H55	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
448	1.0050 61.000. 00.00. H55	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	2876/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
449	2.0019 87.000. 00.00. H55	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	2876/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
450	1.0002 88.000. 00.00. H55	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	2405/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

451	1.0007 15.000. 00.00. H55	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	2405/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
452	1.0002 80.000. 00.00. H55	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	2405/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
453	1.0007 13.000. 00.00. H55	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	2405/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
454	1.0007 11.000. 00.00. H55	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	2405/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
455	1.0006 91.000. 00.00. H55	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	2405/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

456	1.000259.000.00.00.H55	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	3475/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
457	1.000729.000.00.00.H55	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	3475/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
458	1.001088.000.00.00.H55	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	3475/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
459	1.001714.000.00.00.H55	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	2404/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
460	1.002982.000.00.00.H55	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	775/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

461	1.0014 99.000. 00.00. H55	Phê duyệt liên kết giáo dục	2876/QĐ-UBND	Người nước ngoài; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
462	1.0014 97.000. 00.00. H55	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	2876/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
463	1.0014 96.000. 00.00. H55	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	2876/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
464	1.0009 39.000. 00.00. H55	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	2876/QĐ-UBND	Người nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
465	1.0064 46.000. 00.00. H55	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	2876/QĐ-UBND	Người nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

466	1.001495.000.00.00.H55	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn;cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	2876/QĐ-UBND	Người nước ngoài; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
467	1.000718.000.00.00.H55	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	2876/QĐ-UBND	Người nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
468	1.001492.000.00.00.H55	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	2876/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
469	1.000716.000.00.00.H55	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	2876/QĐ-UBND	Người nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

470	1.001493.000.00.00.H55	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	2876/QĐ-UBND	Người nước ngoài; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
471	1.002407.000.00.00.H55	Xét, cấp học bổng chính sách	2426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
472	1.003734.000.00.00.H55	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	3475/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
473	1.005098.000.00.00.H55	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	439/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
474	1.005142.000.00.00.H55	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	439/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

475	1.005095.000.00.00.H55	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	439/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
476	2.001806.000.00.00.H55	Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học	3475/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
477	1.001942.000.00.00.H55	Đăng ký xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non	2966/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
478	1.004889.000.00.00.H55	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	2471/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
479	2.001610.000.00.00.H55	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp,	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

				HTX); Hợp tác xã				
480	2.001583.000.00.00.H55	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
481	2.001199.000.00.00.H55	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
482	2.002015.000.00.00.H55	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	232/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
483	2.002011.000.00.00.H55	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh; đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của	197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

		công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần; đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết						
484	2.002009.000.00.00.H55	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh; đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	2517/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
485	2.002008.000.00.00.H55	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ là giả mạo	232/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
486	2.002033.000.00.00.H55	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

487	2.002032.000.00.00.H55	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
488	2.002031.000.00.00.H55	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
489	2.002029.000.00.00.H55	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	232/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

490	2.002023.000.00.00.H55	Giải thể doanh nghiệp, giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	232/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
491	2.002020.000.00.00.H55	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	232/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
492	2.002018.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	232/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
493	2.002017.000.00.00.H55	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	232/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

494	2.002016.000.00.00.H55	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	232/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
495	2.002057.000.00.00.H55	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
496	2.002045.000.00.00.H55	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	232/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
497	2.002044.000.00.00.H55	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	232/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

498	2.002043.000.00.00.H55	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
499	2.002042.000.00.00.H55	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
500	2.002041.000.00.00.H55	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp; Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	2517/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
501	2.002034.000.00.00.H55	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
502	2.002069.000.00.00.H55	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh; thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	2517/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

503	2.002060.000.00.00.H55	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
504	2.002085.000.00.00.H55	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty, tách công ty, hợp nhất công ty	197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
505	1.005169.000.00.00.H55	Đề nghị doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thay đổi tên doanh nghiệp	232/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
506	1.006780.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	1839/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

507	2.0005 52.000. 00.00. H55	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	1839/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
508	2.0005 59.000. 00.00. H55	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	1839/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
509	1.0011 38.000. 00.00. H55	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	1839/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
510	2.0006 55.000. 00.00. H55	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	1839/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
511	1.0035 80.000. 00.00. H55	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	1839/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

512	1.003999.000.00.H55	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	2311/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công tác thanh niên (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
513	2.001717.000.00.H55	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	2311/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công tác thanh niên (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
514	2.002248.000.00.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
515	2.002249.000.00.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	202/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
516	1.002600.000.00.H55	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	364/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp,	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

				HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã				
517	2.002288.000.00.00.H55	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	1508/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
518	2.002285.000.00.00.H55	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	1508/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
519	2.002286.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
520	2.002287.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

				tác xã				
521	1.0079 18.000. 00.00. H55	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	225/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
522	1.0079 16.000. 00.00. H55	Nộp tiền trồng rừng thay thế	37/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
523	1.0080 03.000. 00.00. H55	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	223QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

524	1.0081 28.000. 00.00. H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	221/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
525	1.0081 29.000. 00.00. H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	221/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
526	1.0036 18.000. 00.00. H55	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	1645/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
527	1.0081 26.000. 00.00. H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	221/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
528	1.0081 27.000. 00.00. H55	6. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức	221/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)		nước ngoài; Hợp tác xã				
529	1.008201.000.00.00.H55	Thủ tục cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	2408/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
530	2.001594.000.00.00.H55	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương)	2193/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
531	1.003725.000.00.00.H55	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (địa phương)	240/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
532	1.008408.000.00.00.H55	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh	1592/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

533	2.002311.000.00.00.H55	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	1557/QĐ-UBND (Công bố Danh mục TTHC)	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hội nghị, hội thảo quốc tế (Bộ Ngoại giao)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
534	2.002314.000.00.00.H55	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	1557/QĐ-UBND (Công bố Danh mục TTHC)	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hội nghị, hội thảo quốc tế (Bộ Ngoại giao)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
535	2.002313.000.00.00.H55	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	1557/QĐ-UBND (Công bố Danh mục TTHC)	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hội nghị, hội thảo quốc tế (Bộ Ngoại giao)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
536	2.002312.000.00.00.H55	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	1557/QĐ-UBND (Công bố Danh mục TTHC)	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hội nghị, hội thảo quốc tế (Bộ Ngoại giao)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
537	2.001687.000.00.00.H55	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	334/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

538	2.001680.000.00.00.H55	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	334/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
539	1.001008.000.00.00.H55	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	36/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
540	1.000922.000.00.00.H55	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	36/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
541	1.000963.000.00.00.H55	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	36/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
542	1.008709.000.00.00.H55	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	285/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Luật sư (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

543	1.008727.000.00.00.H55	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	2357/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
544	2.002307.000.00.00.H55	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	3004/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
545	2.002308.000.00.00.H55	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
546	1.008889.000.00.00.H55	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	2361/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
547	1.008904.000.00.00.H55	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	2361/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

548	1.008915.000.00.00.H55	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập	2495/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
549	1.008890.000.00.00.H55	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	2361/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
550	1.008905.000.00.00.H55	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2361/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
551	1.008906.000.00.00.H55	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh,	2361/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		thành phố trực thuộc trung ương khác						
552	1.0089 13.000. 00.00. H55	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được cấp Giấy phép thành lập	2495/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
553	1.0089 14.000. 00.00. H55	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2495/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
554	1.0089 16.000. 00.00. H55	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi tên gọi, Trưởng chi	2495/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		nhánh						
555	1.0077 65.000. 00.00. H55	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	3187/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
556	1.0068 71.000. 00.00. H55	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	1636/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Vật liệu xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
557	1.0086 75.000. 00.00. H55	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	38/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
558	1.0086 82.000. 00.00. H55	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	38/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

				tác xã				
559	1.008927.000.00.00.H55	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	2399/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
560	1.008930.000.00.00.H55	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	2399/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
561	1.008931.000.00.00.H55	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	2399/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
562	1.008932.000.00.00.H55	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	2399/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

563	1.0089 33.000. 00.00. H55	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	2399/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
564	1.0089 34.000. 00.00. H55	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	2399/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
565	1.0089 35.000. 00.00. H55	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	2399/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
566	1.0089 36.000. 00.00. H55	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	2399/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
567	1.0089 37.000. 00.00. H55	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	2399/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

568	1.008925.000.00.00.H55	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	2399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
569	1.008926.000.00.00.H55	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	2399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
570	1.008928.000.00.00.H55	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	2399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
571	1.008929.000.00.00.H55	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	2399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
572	1.008891.000.00.00.H55	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	803/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

573	1.008990.000.00.00.H55	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề	803/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
574	1.008989.000.00.00.H55	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc).	803/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
575	1.008991.000.00.00.H55	Thủ tục gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	803/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
576	1.008992.000.00.00.H55	Thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	803/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
577	1.008993.000.00.00.H55	Thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	803/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

578	1.009394.000.00.00.H55	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	3475/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
579	1.009397.000.00.00.H55	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	125/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Nghệ thuật biểu diễn (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
580	1.009398.000.00.00.H55	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	260/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Nghệ thuật biểu diễn (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

581	1.009399.000.00.00.H55	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	260/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Nghệ thuật biểu diễn (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
582	1.009403.000.00.00.H55	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	260/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nghệ thuật biểu diễn (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
583	1.001737.000.00.00.H55	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
584	1.002334.000.00.00.H55	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	1203/QĐ-UBND (Danh mục TTHC chuẩn hóa)	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
585	1.009463.000.00.00.H55	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

586	1.009460.000.00.H55	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
587	1.009447.000.00.H55	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
588	1.009446.000.00.H55	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
589	1.009444.000.00.H55	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
590	1.009445.000.00.H55	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

				nước ngoài; Hợp tác xã				
591	1.009464.000.00.00.H55	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
592	1.009461.000.00.00.H55	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
593	1.009459.000.00.00.H55	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
594	1.009451.000.00.00.H55	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

595	1.009448.000.00.00.H55	Thiết lập khu neo đậu	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
596	1.005091.000.00.00.H55	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
597	1.009458.000.00.00.H55	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
598	1.009443.000.00.00.H55	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
599	1.009465.000.00.00.H55	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

600	1.009450.000.00.00.H55	Công bố đóng khu neo đậu	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
601	1.009449.000.00.00.H55	Công bố hoạt động khu neo đậu	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
602	1.005103.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)	3495/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
603	1.001284.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

604	1.009374.000.00.00.H55	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	2193/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
605	1.009386.000.00.00.H55	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	800/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
606	1.005090.000.00.00.H55	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	2404/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
607	1.009566.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	2212/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
608	2.002253.000.00.00.H55	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân.	891/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

609	1.004878.000.00.00.H55	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	196/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
610	1.003976.000.00.00.H55	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	196/QĐ-UBND	Người nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
611	1.000688.000.00.00.H55	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	285/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Luật sư (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
612	1.008624.000.00.00.H55	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	285/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Luật sư (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
613	1.009645.000.00.00.H55	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	1936/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

614	1.009661.000.00.H55	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	2688/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
615	1.009662.000.00.H55	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	2688/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
616	1.009665.000.00.H55	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	2544/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
617	1.009671.000.00.H55	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	2544/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

618	1.009729.000.00.00.H55	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (Sở Tài chính thực hiện)	1388/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
619	1.009731.000.00.00.H55	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	2688/QĐ-UBND	Người nước ngoài; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
620	1.009736.000.00.00.H55	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	2544/QĐ-UBND	Người nước ngoài; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
621	1.009491.000.00.00.H55	Trình tự chuẩn bị dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (cấp tỉnh)	1604/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

622	1.009492.000.00.00.H55	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán (cấp tỉnh)	1604/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
623	1.009642.000.00.00.H55	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	1388/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
624	1.009644.000.00.00.H55	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	1388/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
625	1.009646.000.00.00.H55	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	1936/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

626	1.009664.000.00.00.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (Sở Tài chính thực hiện)	1936/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
627	1.010010.000.00.00.H55	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp; thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	2517/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
628	2.000416.000.00.00.H55	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	2544/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
629	1.009760.000.00.00.H55	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (Ban Quản lý thực hiện)	1599/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

630	1.0100 26.000. 00.00. H55	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn là tổ chức, cổ đông là tổ chức nước ngoài	232/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
631	2.0003 68.000. 00.00. H55	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường; chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	2544/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
632	1.0100 29.000. 00.00. H55	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	232/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
633	1.0097 70.000. 00.00. H55	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền Ban Quản lý	1599/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

634	1.009788.000.00.00.H55	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh.	2226/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
635	1.009791.000.00.00.H55	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	2226/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
636	1.009794.000.00.00.H55	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	2226/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
637	2.002394.000.00.00.H55	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	2968/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
638	2.002407.000.00.00.H55	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	2968/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

639	2.0024 11.000. 00.00. H55	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	2968/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
640	1.0097 48.000. 00.00. H55	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý	1599/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
641	1.0097 56.000. 00.00. H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (Ban Quản lý thực hiện)	1599/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
642	1.0097 59.000. 00.00. H55	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	1822/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

643	1.009772.000.00.00.H55	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	2714/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
644	1.009775.000.00.00.H55	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (Ban Quản lý thực hiện)	1599/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
645	1.009776.000.00.00.H55	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (BQL)	2714/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
646	1.009777.000.00.00.H55	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (BQL)	2896/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
647	1.009771.000.00.00.H55	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	2714/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

648	1.0097 74.000. 00.00. H55	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (BQL)	2896/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
649	1.0097 73.000. 00.00. H55	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (BQL)	2896/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
650	1.0096 59.000. 00.00. H55	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	1388/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
651	1.0076 23.000. 00.00. H55	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương	3007/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
652	3.0001 61.000. 00.00. H55	Thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phụ vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy	3007/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài chính ngân hàng (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		định tại Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.						
653	1.010060.000.00.00.H55	Thủ tục cấp tạm ứng kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị của địa phương	3007/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài chính doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
654	3.000160.000.00.00.H55	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	225/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
655	3.000181.000.00.00.H55	Tuyển sinh trung học phổ thông	439/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
656	1.009002.000.00.00.H55	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao	1107/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai

		đẳng được phép đào tạo giáo viên						
657	1.0087 22.000. 00.00. H55	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	2406/QĐ-UBND	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
658	1.0087 23.000. 00.00. H55	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	2406/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
659	1.0094 66.000. 00.00. H55	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	1147/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lao động, tiền lương (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

660	1.005449.000.00.00.H55	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	1134/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
661	1.010596.000.00.00.H55	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục	778/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

662	1.0005 30.000. 00.00. H55	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
663	2.0023 41.000. 00.00. H55	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động.	1134/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
664	2.0023 43.000. 00.00. H55	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	1134/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
665	1.0054 50.000. 00.00. H55	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do	1134/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)						
666	1.010593.000.00.00.H55	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục	778/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
667	1.010594.000.00.00.H55	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	778/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

668	1.0105 95.000. 00.00. H55	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục.	778/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
669	1.0005 53.000. 00.00. H55	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
670	1.0004 82.000. 00.00. H55	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	778/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
671	1.0005 09.000. 00.00. H55	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	778/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
672	1.0001 67.000. 00.00. H55	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung	2406/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp						
673	3.0001 98.000. 00.00. H55	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	37/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
674	1.0106 96.000. 00.00. H55	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	356/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
675	1.0107 27.000. 00.00. H55	Cấp giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010727)	2358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã; Tổ chức Đảng; Đảng viên	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

676	1.010733.000.00.H55	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Cấp tỉnh) (1.010733)	2358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã; Tổ chức Đảng; Đảng viên	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
677	1.010729.000.00.H55	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010729)	2358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã; Tổ chức Đảng; Đảng viên	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
678	1.010730.000.00.H55	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010730)	2358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã; Tổ chức Đảng; Đảng viên	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

679	1.010735.000.00.H55	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (cấp tỉnh) (1.010735)	1238/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã; Tổ chức Đảng; Đảng viên	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
680	1.010707.000.00.H55	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
681	1.002046.000.00.H55	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
682	1.002861.000.00.H55	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	1508/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

683	1.010802.000.00.00.H55	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
684	1.010803.000.00.00.H55	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
685	1.010804.000.00.00.H55	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
686	1.010811.000.00.00.H55	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	1178/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

687	1.0108 14.000. 00.00. H55	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
688	1.0108 01.000. 00.00. H55	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
689	1.0108 05.000. 00.00. H55	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
690	1.0108 06.000. 00.00. H55	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
691	1.0108 07.000. 00.00. H55	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an						
692	1.010808.000.00.00.H55	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
693	1.010809.000.00.00.H55	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
694	1.010810.000.00.00.H55	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
695	1.010812.000.00.00.H55	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	1178/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

696	1.0108 13.000. 00.00. H55	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
697	1.0108 17.000. 00.00. H55	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
698	1.0108 18.000. 00.00. H55	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
699	1.0108 20.000. 00.00. H55	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
700	1.0108 22.000. 00.00. H55	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

701	1.010823.000.00.00.H55	Hưởng lại chế độ ưu đãi	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
702	1.010824.000.00.00.H55	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
703	1.010825.000.00.00.H55	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
704	1.010815.000.00.00.H55	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
705	1.010816.000.00.00.H55	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

706	1.010819.000.00.H55	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
707	1.010821.000.00.H55	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
708	1.010829.000.00.H55	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1178/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
709	1.010831.000.00.H55	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh.	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
710	1.010826.000.00.H55	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

711	1.010827.000.00.00.H55	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
712	1.010828.000.00.00.H55	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	1136/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
713	1.010830.000.00.00.H55	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
714	2.002480.000.00.00.H55	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài	998/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
715	2.002478.000.00.00.H55	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông.	998/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

716	2.002479.000.00.00.H55	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước	998/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
717	1.010902.000.00.00.H55	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp Tỉnh)	1156/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Bưu chính (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
718	1.010928.000.00.00.H55	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	2406/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
719	1.010927.000.00.00.H55	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn	778/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
720	1.010943.000.00.00.H55	Thủ tục tiếp công dân cấp tỉnh	1653/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

721	2.002499.000.00.00.H55	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh	1653/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
722	1.009407.000.00.00.H55	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	2146/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
723	1.011249	Thủ tục hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (cấp tỉnh)	3306/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
724	1.011442.H55	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	2651/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đăng ký biện pháp bảo đảm (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
725	1.011441.H55	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	2651/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đăng ký biện pháp bảo đảm (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

726	1.011443.H55	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	2651/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đăng ký biện pháp bảo đảm (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
727	1.011444.H55	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	2651/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đăng ký biện pháp bảo đảm (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
728	1.011445.H55	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	2651/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đăng ký biện pháp bảo đảm (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
729	1.011470.H55	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	206/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
730	2.002516.H55	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

731	1.011475.H55	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	2306/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
732	1.011478.H55	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	2306/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
733	1.011477.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	2306/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
734	1.011479.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	2306/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
735	1.011454.H55	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	125/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Điện ảnh (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

736	1.000971.H55	Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	326/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi đua – Khen thưởng (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
737	1.000871.H55	Thủ tục xét tặng "Giải thưởng Hồ Chí Minh" về văn học, nghệ thuật	951/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi đua – Khen thưởng (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
738	1.000564.H55	Thủ tục xét tặng "Giải thưởng Nhà nước" về văn học, nghệ thuật	951/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi đua – Khen thưởng (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
739	1.001376.H55	Thủ tục xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân" (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	1541/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi đua – Khen thưởng (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
740	1.001108.H55	Thủ tục xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ ưu tú" (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	1541/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi đua – Khen thưởng (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

741	1.001032.H55	Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	326/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi đua – Khen thưởng (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
742	1.001122.H55	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	2543/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
743	1.009283.H55	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (cấp tỉnh)	2495/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

744	1.008922.H55	Bổ nhiệm Thừa phát lại	2399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
745	1.009832.H55	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	1172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
746	1.001216.H55	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp cấp tỉnh	2543/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
747	1.009284.H55	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	2495/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
748	1.008923.H55	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)	2399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

749	1.0089 24.H55	Bổ nhiệm lại Thừa phát lại	2399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
750	1.0115 18.H55	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước .	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
751	1.0042 37.H55	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)	1106/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tổng hợp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
752	2.0025 48.H55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	216/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
753	2.0025 44.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công	216/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		nghệ)		nước ngoài				
754	1.011671.H55	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	1058/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
755	1.011647.H55	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	1645/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Khoa học và Công nghệ (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
756	1.011729.H55	Thủ tục xác nhận vật tư, thiết bị là hàng hóa nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 10 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên thuộc Nhóm 98.22.	1760/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	Hải quan (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

757	1.001322.H55	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	1508/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
758	1.001296.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	1508/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
759	1.009456.H55	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
760	1.011769.H55	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	2141/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
761	1.011812.H55	(Cấp tỉnh) Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

				tác xã				
762	1.0118 14.H55	(Cấp tỉnh) Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
763	1.0118 15.H55	(Cấp tỉnh) Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
764	1.0118 16.H55	(Cấp tỉnh) Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

765	1.011675.H55	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	2354/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức	Giám định tư pháp (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
766	1.011938.H55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	366/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
767	1.011937.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	2587/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
768	1.011939.H55	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	2587/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
769	1.003897.H55	Cấp lại Giấy phép lái tàu	2422/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

770	1.0050 71.H55	Sát hạch cấp giấy phép lái tàu	2422/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
771	1.0119 99.H55	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	124/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
772	1.0120 00.H55	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	124/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
773	1.0120 03.H55	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	124/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
774	1.0120 01.H55	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	124/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

775	1.012002.H55	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	124/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
776	1.012004.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	124/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
777	1.012091.H55	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	1509/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
778	1.009478.H55	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành	1645/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Khoa học và Công nghệ (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
779	1.012080.H55	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	3315/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

780	1.012081.H55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	3315/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
781	1.012082.H55	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	3315/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
782	1.006412.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	26/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Hợp tác quốc tế (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
783	1.001082.H55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	26/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hợp tác quốc tế (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
784	1.001091.H55	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	26/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Hợp tác quốc tế (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

785	2.0025 93.H55	Đề nghị đánh giá, công nhận Đơn vị học tập cấp tỉnh	112/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
786	1.0122 56.H55	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	2287/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
787	1.0122 71.H55	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1152/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
788	1.0122 72.H55	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1152/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
789	1.0122 73.H55	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	2580/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

790	1.012275.H55	Đăng ký hành nghề	2287/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
791	1.012276.H55	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	2287/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
792	1.012280.H55	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	2349/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
793	1.012289.H55	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1152/QĐ-UBND.	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

794	1.012290.H55	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1152/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
795	1.012292.H55	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1152/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
796	1.012260.H55	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	2287/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

797	1.012257.H55	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	2287/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
798	1.012258.H55	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh	2287/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
799	1.012278.H55	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
800	1.012279.H55	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

801	1.012291.H55	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	2287/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
802	1.012281.H55	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	2287/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
803	1.012261.H55	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	2287/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
804	1.012262.H55	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	487/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

805	1.012353.H55	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	216/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
806	2.002604.H55	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	504/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
807	2.002605.H55	Sửa đổi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	504/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
808	2.002606.H55	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	504/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
809	2.002607.H55	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	504/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

810	2.002608.H55	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	504/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
811	2.002609.H55	Thủ tục xác nhận dự án đầu tư đáp ứng nguyên tắc hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao	522/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
812	1.012413.H55	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	1001	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
813	3.000252.H55	Thủ tục xác định xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên	62/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	Thuế (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
814	3.000251.H55	Thủ tục xác định xe thuộc trường hợp không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp	62/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thuế (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

815	3.000255.H55	Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng	62/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Thuế (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
816	3.000256.H55	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật	551/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
817	3.000257.H55	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	2463/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
818	1.012299.H55	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	552/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

819	1.012301.H55	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	552/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
820	1.012300.H55	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	552/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
821	1.012415.H55	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	30/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
822	1.012416.H55	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	30/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
823	1.012418.H55	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	30/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

824	1.012417.H55	Cấp lại giấy chứng nhận lương y	30/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
825	1.012419.H55	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	30/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
826	2.001219.H55	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
827	1.012427.H55	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	1601/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Cụm Công nghiệp (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
828	2.002603.H55	Công bố dự án đầu tư kinh doanh (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất) đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề	1604/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		xuất (cấp tỉnh)		nước ngoài; Hợp tác xã				
829	2.0026 15.H55	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	108/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
830	2.0026 16.H55	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	108/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
831	2.0026 17.H55	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	108/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
832	1.0124 71.H55	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh	1123/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nghề thủ công mỹ nghệ (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

833	1.000828.H55	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	285/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Luật sư (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
834	1.008628.H55	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	285/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Luật sư (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
835	3.000242.H55	Cấp văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC tại địa phương	1290/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Quản lý xuất nhập cảnh (Bộ Công an)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
836	1.012503.H55	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
837	1.012504.H55	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

838	1.012500.H55	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
839	1.012501.H55	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
840	1.012507.H55	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	1937/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đấu thầu (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
841	2.002625.H55	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ	1515/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
842	2.001802.H55	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển	1515/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

843	2.0026 24.H55	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	1515/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
844	1.0125 31.H55	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	225/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
845	1.0126 64.H55	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI HIẾN CHƯƠNG CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	1344/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
846	1.0126 59.H55	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THUYÊN CHUYỂN CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC, NHÀ TU HÀNH LÀ NGƯỜI ĐANG BỊ BUỘC TỘI HOẶC CHƯA ĐƯỢC XOÁ ÁN TÍCH (CẤP TỈNH)	1344/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
847	1.0126 57.H55	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC	1344/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		NGOÀI CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM (CẤP TỈNH)						
848	1.012656.H55	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM TRONG ĐỊA BÀN MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	1344/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
849	1.012648.H55	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ MỜI TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	1344/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
850	1.012646.H55	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ MỜI CHỨC SẮC, NHÀ TU HÀNH LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI ĐẾN GIẢNG ĐẠO CHO TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP	1344/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		TỈNH)						
851	1.012672.H55	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Cấp Tỉnh)	2409/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
852	1.012658.H55	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM (CẤP TỈNH)	1344/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
853	1.012645.H55	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI TÊN CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	1344/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
854	1.012641.H55	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP ĐĂNG KÝ PHÁP NHÂN PHI THƯƠNG MẠI CHO TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG	2409/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)						
855	1.012637.H55	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢI THỂ TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH THEO QUY ĐỊNH CỦA HIẾN CHƯƠNG CỦA TỔ CHỨC (CẤP TỈNH)	2409/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
856	1.012632.H55	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CHO TỔ CHỨC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	2409/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
857	1.012639.H55	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỰ GIẢI THỂ CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH THEO QUY ĐỊNH CỦA HIẾN CHƯƠNG (CẤP TỈNH)	2409/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

858	1.012629.H55	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ NGƯỜI ĐƯỢC BỔ NHIỆM, BẦU CỬ, SUY CỬ LÀM CHỨC VIỆC ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 2 ĐIỀU 34 CỦA LUẬT TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO (CẤP TỈNH)	2409/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
859	1.012628.H55	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ NGƯỜI ĐƯỢC BỔ NHIỆM, BẦU CỬ, SUY CỬ LÀM CHỨC VIỆC CỦA TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	2409/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
860	1.012616.H55	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ MỞ LỚP BỒI DƯỠNG VỀ TÔN GIÁO CHO NGƯỜI CHUYÊN HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO (CẤP TỈNH)	1344/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
861	1.012606.H55	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ	1015/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		CHỨC Ở NHIỀU XÃ THUỘC MỘT TỈNH HOẶC Ở NHIỀU TỈNH (CẤP TỈNH)						
862	1.012607.H55	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở NHIỀU XÃ THUỘC MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	2409/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
863	1.012605.H55	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở NHIỀU XÃ THUỘC MỘT TỈNH HOẶC Ở NHIỀU TỈNH (CẤP TỈNH)	2409/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

864	1.012653.H55	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM ĐẾN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁC (CẤP TỈNH)	1344/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
865	1.012567.H55	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý	1762/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
866	1.012687.H55	Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	225/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
867	1.012689.H55	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	225/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
868	1.012690.H55	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	1388/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

869	1.012691.H55	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	1388/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
870	1.012692.H55	Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	225/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
871	3.000152.H55	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	1388/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
872	1.012744.H55	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	2001/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý giá (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
873	1.012735.H55	Hiệp thương giá	2001/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý giá (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

874	1.0128 35.H55	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	1163/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
875	1.0128 32.H55	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	1163/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
876	1.0128 33.H55	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	1163/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
877	1.0128 34.H55	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	1163/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
878	1.0127 56.H55	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.	2354/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

879	1.0127 66.H55	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	2354/QD-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
880	1.0127 93.H55	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	2354/QD-UBND	Doanh nghiệp	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
881	1.0127 81.H55	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	1063/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
882	1.0127 82.H55	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	1063/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

883	1.012783.H55	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	1063/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
884	1.012790.H55	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.	2354/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
885	1.012791.H55	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	2354/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
886	1.012785.H55	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện	1063/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		thủ tục chuyển quyền theo quy định						
887	1.012784.H55	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	2354/QD-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
888	1.012786.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	1063/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
889	1.012787.H55	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	1063/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

890	1.012789.H55	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	2354/QD-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
891	1.012821.H55	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	2354/QD-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
892	1.012805.H55	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh	2354/QD-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
893	1.012875.H55	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trong trường hợp còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, rách hoặc có sự sai khác về thông tin	2318/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
894	3.000291.H55	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	2463/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

895	2.002666.H55	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH MTV	2451/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
896	2.002665.H55	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	2451/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
897	2.002667.H55	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi	2451/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

					quy định tại Luật Doanh nghiệp (Bộ Tài chính)			
898	1.012886.H55	Điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	2630/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
899	1.012885.H55	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	2630/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
900	1.012890.H55	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài	2630/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
901	1.012891.H55	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	2630/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

902	1.012892.H55	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	2630/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
903	1.012882.H55	Thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của các tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	2630/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
904	1.012884.H55	Thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng	2630/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
905	1.012887.H55	Đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023	2630/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
906	1.012897.H55	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	2630/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

907	1.012898.H55	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	2630/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
908	1.012893.H55	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	2630/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
909	1.012894.H55	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	2630/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
910	1.012895.H55	Thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	2630/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
911	1.012896.H55	Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công	2630/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

912	1.012900.H55	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản	2630/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
913	1.012902.H55	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn)	2630/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
914	1.012901.H55	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng)	2630/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
915	1.012903.H55	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở	2630/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
916	1.012904.H55	Đăng ký cấp quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2630/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

917	1.012905.H55	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	2630/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
918	1.012906.H55	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
919	1.012907.H55	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác)	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
920	1.012910.H55	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc gần hết hạn)	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
921	1.009647.H55	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (Sở Tài chính thực hiện)	1388/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

922	1.012921.H55	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	225/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
923	3.000159.H55	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	225/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
924	1.012927.H55	THỦ TỤC CÔNG NHẬN BAN VẬN ĐỘNG THÀNH LẬP HỘI (Cấp tỉnh).	2852/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
925	1.012929.H55	THỦ TỤC THÀNH LẬP HỘI (CẤP TỈNH).	2852/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
926	1.012946.H55	THỦ TỤC HỘI TỰ GIẢI THỂ (CẤP TỈNH).	2852/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

927	1.012948.H55	THỦ TỤC CHO PHÉP HỘI HOẠT ĐỘNG TRỞ LẠI SAU KHI BỊ ĐÌNH CHỈ CÓ THỜI HẠN (CẤP TỈNH)	2852/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
928	1.012947.H55	THỦ TỤC CHO PHÉP HỘI ĐẶT CHI NHÁNH HOẶC VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN (CẤP TỈNH).	2852/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
929	1.012945.H55	THỦ TỤC CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT HỘI (CẤP TỈNH).	2852/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
930	1.012942.H55	THỦ TỤC BÁO CÁO TỔ CHỨC ĐẠI HỘI THÀNH LẬP, ĐẠI HỘI NHIỆM KỲ, ĐẠI HỘI BẤT THƯỜNG CỦA HỘI (CẤP TỈNH)	2852/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
931	1.012943.H55	THỦ TỤC THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐẠI HỘI VÀ PHÊ DUYỆT ĐỔI TÊN HỘI, PHÊ DUYỆT ĐIỀU LỆ HỘI (CẤP TỈNH)	2852/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

932	3.000298.H55	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại	2406/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
933	3.000297.H55	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục	2406/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
934	3.000303.H55	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại	2406/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
935	3.000306.H55	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	2406/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

936	1.012958.H55	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
937	1.012959.H55	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
938	1.012953.H55	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	2406/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
939	1.012954.H55	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại	2406/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
940	1.012955.H55	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

941	1.012956.H55	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
942	3.000299.H55	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
943	3.000300.H55	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
944	3.000301.H55	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
945	3.000302.H55	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục	2406/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

946	3.000304.H55	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
947	1.012960.H55	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	2876/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
948	1.012944.H55	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
949	3.000317.H55	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
950	1.012988.H55	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

951	3.0003 15.H55	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
952	3.0003 16.H55	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	2406/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
953	1.0129 94.H55	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	2300/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
954	1.0129 95.H55	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	2877/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
955	1.0129 96.H55	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	2877/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

956	1.012990.H55	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	1013/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
957	1.012993.H55	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	2356/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
958	1.013004.H55	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	649/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Điện lực (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
959	1.013005.H55	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	649/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Điện lực (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
960	2.002676.H55	Thông báo phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	649/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Điện lực (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

961	1.013017.H55	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ..	2227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
962	1.013018.H55	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ.	2227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
963	1.013019.H55	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ..	2227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
964	1.013020.H55	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ..	2227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
965	1.013021.H55	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động .	2227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp,	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

				HTX); Tổ chức nước ngoài				
966	1.013022.H55	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ .	2227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
967	1.013023.H55	Quỹ tự giải thể .	2227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
968	1.009249.H55	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	3097/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Thi đua, khen thưởng (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
969	1.001178.H55	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông	3098/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		tư số 09/2015/TT-BYT						
970	1.004070.H55	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
971	1.004062.H55	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
972	1.002564.H55	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
973	1.001189.H55	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	3098/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

974	1.0011 14.H55	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	3098/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
975	1.0130 35.H55	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	3125/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
976	1.0130 34.H55	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	3125/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
977	1.0130 36.H55	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	3125/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

978	1.013037.H55	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	3125/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
979	1.013040.H55	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	2300/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
980	1.000998.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
981	1.013058.H55	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
982	1.000965.H55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

983	1.013061.H55	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	2302/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
984	1.013089.H55	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu	3495/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
985	1.013092.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng	3495/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
986	1.013097.H55	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo	3495/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai

987	1.0131 01.H55	Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	3495/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
988	1.0131 05.H55	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1508/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
989	1.0131 10.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
990	1.0132 05.H55	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng	3495/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
991	1.0132 06.H55	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo	3495/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai

992	1.001396.H55	Cung cấp thuốc phóng xạ	19/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Dược phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
993	1.013239.H55	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	2301/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
994	1.013234.H55	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	99/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
995	1.013236.H55	Cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	311/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

996	1.0132 38.H55	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	311/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
997	1.0132 31.H55	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	311/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
998	1.0132 37.H55	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	311/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

999	1.0132 17.H55	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	311/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
1000	1.0132 19.H55	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	311/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
1001	1.0132 22.H55	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài..	2301/QĐ-UBND	Người nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1002	1.0132 24.H55	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài..	2301/QĐ-UBND	Người nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1003	1.0132 30.H55	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai	311/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)						
1004	1.0132 33.H55	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	311/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1005	1.0132 35.H55	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án)	311/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1006	1.0132 59.H55	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	108/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1007	1.0132 60.H55	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	108/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1008	1.0132 61.H55	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	108/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1009	1.0132 74.H55	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	2302/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
1010	1.0132 76.H55	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đấu nối vào đường cao tốc	1508/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

1011	1.013277.H55	Chấp thuận đấu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	204/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1012	2.002711.H55	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	224/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1013	2.002724.H55	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	224/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1014	1.013338.H55	Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	439/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1015	1.013337.H55	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	1134/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1016	3.0003 25.H55	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	534/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
1017	3.0003 27.H55	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	2300/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
1018	3.0003 28.H55	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	534/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1019	3.0003 24.H55	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	534/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1020	3.0003 26.H55	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	2300/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

1021	2.002725.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	497/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1022	2.002726.H55	Thủ tục điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt	497/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1023	2.002727.H55	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	497/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1024	1.013395.H55	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	649/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Điện lực (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1025	1.013394.H55	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Điện lực (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1026	2.002729.H55	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	655/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1027	2.002732.H55	Thủ tục Chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	655/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1028	2.002728.H55	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	655/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1029	2.002731.H55	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	655/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

				tác xã				
1030	1.0134 01.H55	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1031	1.0134 18.H55	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1032	1.0134 12.H55	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1033	1.0134 16.H55	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1034	1.0134 20.H55	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1035	1.0134 17.H55	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1036	1.0134 19.H55	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1037	1.0134 21.H55	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	735/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1038	1.0133 99.H55	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2353/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1039	2.001292.H55	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	753/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1040	2.001300.H55	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	753/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1041	1.013126.H55	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng, cơ sở, dự án tại địa phương	754/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Ứng phó sự cố tràn dầu (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1042	1.013398.H55	Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	753/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1043	1.013400.H55	Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2353/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1044	1.013127.H55	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ từ 50 m3 đến dưới 50.000 m3, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT	754/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Ứng phó sự cố tràn dầu (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1045	1.002001.H55	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	2193/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1046	1.001976.H55	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	800/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1047	2.002738.H55	Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	800/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1048	2.002740.H55	Cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	800/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1049	1.004508.H55	Cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	800/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1050	2.002739.H55	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	800/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1051	1.001988.H55	Cấp lại giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	800/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1052	1.013456.H55	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	913/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1053	2.002750.H55	Công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất	1002/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1054	2.002342.H55	Giải quyết chế độ cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp một lần hoặc hằng tháng; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do bệnh nghề nghiệp; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm bệnh nghề nghiệp hằng tháng	1134/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1055	2.002340.H55	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp hằng tháng hoặc một lần; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do tai nạn lao động; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng.	1134/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1056	1.004923.H55	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên)	73/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1057	1.004921.H55	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên)	73/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1058	1.009467.H55	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.	1147/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lao động, tiền lương (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1059	3.000410.H55	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	2463/QĐ-UBND.	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
1060	1.000058.H55	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	1388/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1061	1.013634.H55	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	1453/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1062	1.013635.H55	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	1453/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1063	2.001225.H55	Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến	1453/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1064	1.013644.H55	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân tỉnh	1592/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1065	1.013648	kiểm thử sẽ xóa ngay	2805TEST	Cán bộ, công chức, viên chức	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1066	1.013652.H55	Thủ tục hành chính cấp tỉnh: Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1744/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Khoáng sản (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1067	1.013723.H55	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	1059/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1068	1.0137 27.H55	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ 90 ngày trở lên .	1059/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1069	1.0137 32.H55	Xác nhận danh sách người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài	1059/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1070	1.0137 28.H55	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.	1059/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1071	1.0137 29.H55	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài .	1059/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1072	1.0137 30.H55	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên)	1059/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1073	1.0137 31.H55	Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài .	210/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1074	1.0137 33.H55	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng .	1059/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1075	1.0137 49.H55	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1076	1.0137 46.H55	Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp thực chứng.	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1077	1.013747.H55	Lấy mẫu để giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1078	1.013748.H55	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh không công tác trong quân đội, công an, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ.	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1079	1.013777.H55	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản	2219/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1080	1.013769.H55	chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1081	1.001870.H55	Đổi tên cảng cạn	2219/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1082	1.000802.H55	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá	2276/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1083	1.005464.H55	Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	346/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1084	1.003915.H55	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá	2276/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1085	1.003198.H55	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	196/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1086	1.008614.H55	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	2250/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Luật sư (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1087	1.001928.H55	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	285/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Luật sư (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1088	1.013767.H55	Giải thể, chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập	2249/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1089	1.004756.H55	Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y	221/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1090	1.008720.H55	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	2249/QĐ-UBND	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1091	2.000729.H55	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	2249/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1092	2.000451.H55	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	2249/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1093	1.008721.H55	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	2249/QĐ-UBND	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1094	2.000545.H55	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	2249/QĐ-UBND	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1095	1.001501.H55	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện	2249/QĐ-UBND	Người nước ngoài; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1096	2.000680.H55	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	2249/QĐ-UBND	Người nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1097	1.013824.H55	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh.	2284/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đào tạo và Nghiên cứu khoa học (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1098	3.000447.H55	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B	2284/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thiết bị y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1099	3.000448.H55	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	1152/QĐ-UBND.	Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thiết bị y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1100	1.0138 71.H55	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.	2053/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giám định (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1101	1.0138 76.H55	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.	2053/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giám định (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1102	3.0004 49.H55	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất	2061/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thiết bị y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1103	1.0138 64.H55	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	2290/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1104	1.0138 78.H55	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III.	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1105	1.0138 65.H55	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm.	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1106	1.0138 73.H55	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	2290/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
1107	1.0138 68.H55	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất.	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1108	1.0138 70.H55	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1109	1.0138 75.H55	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu .	1152/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

				nước ngoài; Hợp tác xã				
1110	1.013886.H55	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1111	1.013889.H55	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1112	1.013898.H55	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất) .	2290/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1113	1.013858.H55	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh	1152/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp,	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		dọỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi		HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã				
1114	1.013851.H55	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dọỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1152/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1115	1.013860.H55	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	2290/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1116	1.013890.H55	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động	2290/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1117	1.013887.H55	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1118	1.013884.H55	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn.	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1119	1.013866.H55	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế..	1152/QĐ-UBND.	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1120	1.013874.H55	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1121	1.013893.H55	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất.	1152/QĐ-UBND.	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1122	1.013869.H55	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	2290/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai

1123	1.013879.H55	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	2290/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
1124	1.013891.H55	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1125	1.013895.H55	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1126	1.013867.H55	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1127	1.013872.H55	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	2290/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1128	1.013881.H55	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng .	1152/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1129	1.013883.H55	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu .	1152/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1130	1.013892.H55	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	2290/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1131	1.0138 94.H55	Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá	2290/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1132	1.0138 80.H55	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ .	1152/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1133	1.0138 96.H55	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá.	2290/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1134	1.0138 57.H55	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1135	1.013854.H55	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1136	1.013850.H55	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1137	1.013844.H55	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã đoợc tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận noớc ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á-Thái Bình Doơng đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1138	1.013838.H55	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế.	1152/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1139	1.013847.H55	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS).	581/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1140	1.013862.H55	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	1152/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1141	1.013855.H55	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	1152/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

1142	1.013841.H55	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã đợ̣c tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nợ́c ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á-Thái Bình Dợ̣ơng đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025.	581/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1143	1.013829.H55	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu.	1152/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1144	1.002409.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	221/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1145	1.002373.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	221/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1146	1.008122.H55	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	221/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1147	1.013814.H55	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	2356/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1148	1.013815.H55	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	2356/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1149	1.0138 17.H55	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	2356/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1150	1.0138 20.H55	Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2356/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1151	1.0081 24.H55	Kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	221/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1152	3.0001 27.H55	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	221/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1153	3.0001 29.H55	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	221/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1154	1.0110 31.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	221/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1155	3.0001 28.H55	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu	221/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1156	3.0001 30.H55	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	221/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1157	1.003703.H55	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu	2306/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1158	1.008125.H55	Giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	221/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1159	1.002432.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin) trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	221/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1160	1.013809.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma tuý, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	221/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1161	1.011032.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	221/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1162	1.002549.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	221/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1163	1.013813.H55	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma tuý, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	221/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1164	1.013811.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	221/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1165	3.000179.H55	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	37/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

1166	1.013778.H55	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	2353/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1167	1.013779.H55	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép	2353/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1168	1.013780.H55	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá	1601/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1169	2.001130.H55	Cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	177/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1170	1.002681.H55	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định	177/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán						
1171	2.001117.H55	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	177/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1172	2.000822.H55	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	2361/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1173	2.000819.H55	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	2361/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1174	1.004021.H55	Cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1175	1.003992.H55	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1176	1.004007.H55	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	1601/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1177	1.008885.H55	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài	2361/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1178	1.008886.H55	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	2361/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1179	1.001609.H55	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	2361/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1180	1.008888.H55	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	2361/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1181	1.008887.H55	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	2361/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1182	1.000376.H55	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	110/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1183	1.000361.H55	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2394/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1184	2.000129.H55	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	110/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1185	1.000358.H55	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2394/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1186	1.000491.H55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	1601/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1187	2.001424.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1188	1.000510.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	1601/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1189	1.003705.H55	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	2353/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý bán hàng đa cấp (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1190	1.003390.H55	Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng	2353/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thương mại điện tử (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1191	1.000168.H55	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2394/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1192	1.000649.H55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	1601/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1193	1.005184.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1194	1.005372.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	1601/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1195	2.000146.H55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	1601/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1196	1.000706.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1197	1.000387.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	1601/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1198	1.003977.H55	Cấp giấy phép phân phối rượu	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1199	1.003101.H55	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	2353/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1200	1.005376.H55	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	2353/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1201	2.000324.H55	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý bán hàng đa cấp (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1202	1.000880.H55	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	110/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thương mại điện tử (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1203	2.000243.H55	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng	2353/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thương mại điện tử (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1204	3.000463.H55	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	539/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1205	2.001730.H55	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2331/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1206	3.000450.H55	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	539/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1207	3.000452.H55	Thủ tục chấm dứt hiệu lực hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	539/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1208	1.001419.H55	Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1209	1.000350.H55	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	2353/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1210	1.005405.H55	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	2353/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1211	1.005406.H55	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	2353/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1212	1.001062.H55	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	110/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1213	1.013888.H55	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		thông						
1214	1.013902.H55	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	366/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1215	1.013904.H55	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.	366/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1216	1.013906.H55	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	366/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1217	1.013908.H55	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	1151/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1218	1.007926.H55	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón	223QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1219	1.013910.H55	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá	366/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1220	2.002778.H55	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức nước ngoài	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1221	2.002783.H55	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1222	2.002788.H55	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1223	2.002793.H55	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	366/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1224	2.002791.H55	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	366/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1225	1.013924.H55	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	1271/QĐ-UBND.	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1226	1.013925.H55	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	891/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1227	1.013928.H55	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	366/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1228	1.013807.H55	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	2401/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1229	1.013974.H55	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1230	3.000451.H55	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1231	3.000459.H55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1232	1.013918.H55	Thủ tục Chấp thuận chuyển giao công nghệ -	202/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1233	1.013933.H55	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ -	891/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1234	1.013849.H55	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	2401/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1235	1.007998.H55	Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng	223QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1236	1.013957.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức	216/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1237	1.012073.H55	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	223QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1238	1.012064.H55	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	223QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1239	1.011998.H55	Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng	223QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1240	1.013755.H55	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1241	1.013756.H55	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục hoạt động trở lại	2406/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1242	1.013758.H55	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1243	1.013786.H55	Thủ tục cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	2408/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1244	1.013698.H55	Thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	2408/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1245	1.013699.H55	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	2408/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1246	2.002773.H55	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	1367/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1247	2.002774.H55	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	1367/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1248	1.013760.H55	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1249	1.013761.H55	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1250	1.013762.H55	Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1251	1.013763.H55	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1252	1.013765.H55	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1253	1.013801.H55	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu (địa phương)	2407/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1254	2.002794.H55	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1255	3.000469.H55	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1256	3.000474.H55	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân (đối với các giải thưởng do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã - hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, Hội, Hiệp hội ở Trung ương, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố tổ chức)	2411/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1257	3.000479.H55	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1258	3.000480.H55	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1259	1.004181.H55	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1260	2.000026.H55	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	1601/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1261	2.001384.H55	Phê duyệt phương án cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	1601/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1262	2.001254.H55	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	2331/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1263	1.013819.H55	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1264	1.002996.H55	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	2331/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1265	1.013900.H55	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	366/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1266	1.003438.H55	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)	110/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1267	2.001726.H55	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2331/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1268	1.000957.H55	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1269	1.003111.H55	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	2331/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1270	1.003058.H55	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	2331/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1271	1.004155.H55	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1272	1.000905.H55	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1273	1.000890.H55	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1274	1.003082.H55	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025: 2005	2331/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1275	1.000477.H55	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	2394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1276	1.013877.H55	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1277	1.013885.H55	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông						
1278	1.013912.H55	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1279	2.001758.H55	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1280	1.000551.H55	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1281	2.000133.H55	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài.	1601/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1282	1.013897.H55	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1283	1.013907.H55	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	366/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1284	1.013976.H55	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn	366/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		thông cố định mặt đất).						
1285	1.0039 71.H55	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	223QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1286	1.0139 09.H55	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1151/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1287	1.0139 13.H55	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1288	1.013899.H55	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	366/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1289	1.013901.H55	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	1151/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1290	1.013903.H55	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy	1151/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP						
1291	1.013905.H55	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	366/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1292	1.013911.H55	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá.	366/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1293	1.007928.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	223QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1294	2.002790.H55	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1295	1.013935.H55	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	366/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1296	1.008921.H55	Công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài	2399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1297	1.013942.H55	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	1271/QĐ-UBND.	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1298	1.013970.H55	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	891/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1299	1.013805.H55	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	311/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1300	1.013806.H55	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	311/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1301	1.013810.H55	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2401/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1302	1.013812.H55	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	2401/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1303	1.013973.H55	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	891/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1304	1.013859.H55	Cấp thẻ công chứng viên	2401/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1305	3.000454.H55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1306	1.003395.H55	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	60/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1307	1.013927.H55	Thủ tục Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ -	202/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1308	1.013931.H55	Thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	366/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1309	1.013837.H55	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	2401/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1310	1.013943.H55	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ -	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1311	1.010090.H55	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	2305/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1312	1.013846.H55	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	2401/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1313	1.013853.H55	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	2401/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1314	1.007999.H55	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định lưu hành giống cây trồng).	223QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1315	1.007994.H55	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục	223QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại.		gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã				
1316	1.0137 53.H55	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1317	1.0137 54.H55	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1318	2.0006 28.H55	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1319	2.0006 18.H55	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1320	1.000400.H55	Cấp chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico	2464/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1321	1.000742.H55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	2394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1322	1.001292.H55	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1323	1.001271.H55	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1324	2.000117.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1325	2.000304.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	110/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1326	1.000475.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	110/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1327	1.001338.H55	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1328	2.000624.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1329	2.000613.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1330	2.000115.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	110/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1331	1.000709.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1332	1.000455.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	2394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1333	2.000598.H55	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1334	1.013990.H55	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	2394/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	chất lượng sản phẩm hàng hóa (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1335	1.013989.H55	Cấp thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định	2394/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	chất lượng sản phẩm hàng hóa (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1336	1.001323.H55	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1337	1.013987.H55	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn thuộc thẩm quyền của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2394/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Dầu khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1338	1.003860.H55	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	110/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1339	2.001682.H55	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1340	2.001595.H55	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	2394/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1341	1.003951.H55	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1342	1.000264.H55	Đăng ký xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản	1153/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1343	1.003929.H55	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1344	2.001660.H55	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	110/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1345	2.000401.H55	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1346	1.000878.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1347	1.001238.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	110/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1348	2.000251.H55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1349	1.001104.H55	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	1601/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1350	1.004191.H55	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1351	1.013915.H55	Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1352	1.013917.H55	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1353	1.013914.H55	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1354	2.001675.H55	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1355	2.000604.H55	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	chất lượng sản phẩm hàng hóa (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1356	2.001665.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1357	2.002779.H55	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức nước ngoài	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1358	2.002781.H55	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức nước ngoài	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1359	2.002776.H55	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức nước ngoài	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1360	2.002787.H55	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức nước ngoài	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1361	2.002785.H55	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1362	1.007927.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	223QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1363	2.002775.H55	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức nước ngoài	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1364	1.007929.H55	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón	223QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

				chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã				
1365	2.002782.H55	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức nước ngoài	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1366	2.002784.H55	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1367	2.002789.H55	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1368	2.000140.H55	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	2353/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	An toàn vệ sinh lao động (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1369	2.000066.H55	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	2353/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	An toàn vệ sinh lao động (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1370	1.013922.H55	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	891/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1371	2.002786.H55	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1372	2.002780.H55	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1373	2.002792.H55	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	366/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1374	1.013916.H55	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1375	1.013919.H55	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1376	1.013955.H55	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1377	1.013956.H55	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1378	1.013958.H55	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	366/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1379	1.013954.H55	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	1271/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1380	1.013959.H55	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	891/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1381	1.013963.H55	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	891/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1382	1.013966.H55	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	891/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1383	1.013968.H55	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	1271/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1384	1.013803.H55	Bổ nhiệm công chứng viên	311/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1385	1.013804.H55	Bổ nhiệm lại công chứng viên	311/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1386	1.013972.H55	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.	891/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1387	1.013808.H55	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	2401/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1388	3.000444.H55	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	2401/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1389	3.000455.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1390	3.000456.H55	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1391	3.000460.H55	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1392	3.0004 61.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1393	1.0138 30.H55	Cấp lại Thẻ công chứng viên	2401/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1394	3.0004 62.H55	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1395	1.0138 32.H55	Thu hồi Thẻ công chứng viên	2401/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1396	3.0004 64.H55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1397	1.0138 34.H55	Thành lập Văn phòng công chứng	2401/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1398	1.0138 35.H55	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	2401/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1399	1.0138 39.H55	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	2401/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1400	1.0138 40.H55	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	2401/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1401	3.0004 57.H55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1402	3.000458.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1403	1.013836.H55	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	176/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1404	1.013936.H55	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ -	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1405	1.013939.H55	Thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ -	366/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1406	1.013842.H55	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	2401/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1407	1.0139 44.H55	Thủ tục Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư -	216/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1408	1.0138 43.H55	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	2401/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1409	1.0139 61.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao-	216/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1410	1.0138 56.H55	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025	2401/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1411	1.0139 69.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân.	216/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1412	1.013940.H55	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ -	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1413	1.013848.H55	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp	2401/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1414	1.013852.H55	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	2401/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1415	1.013960.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân	216/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1416	1.013964.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức.	216/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1417	1.012072.H55	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	223QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1418	1.012071.H55	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ	223QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1419	1.013818.H55	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	176/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1420	1.013816.H55	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	2401/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công chứng (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1421	1.012070.H55	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc	223QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1422	1.012063.H55	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	223QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1423	1.012062.H55	Cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	223QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1424	1.004261.H55	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1425	1.004259.H55	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1426	1.003640.H55	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia	2304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

				gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã				
1427	1.0137 51.H55	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1428	1.0137 52.H55	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục hoạt động trở lại	2406/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1429	1.0137 57.H55	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1430	1.0137 81.H55	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	2408/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1431	1.0137 82.H55	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	2408/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1432	1.0137 83.H55	Thủ tục cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	2408/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1433	1.0137 84.H55	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	2408/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1434	1.0137 87.H55	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	2408/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1435	1.0137 88.H55	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	2408/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1436	1.013790.H55	Thủ tục tiếp nhận đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu	2408/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1437	3.000465.H55	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp tỉnh)	2405/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
1438	3.000466.H55	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp tỉnh)	2405/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
1439	2.002772.H55	Thủ tục cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	1367/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1440	1.013785.H55	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	2408/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1441	1.013789.H55	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung trong giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	2408/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1442	1.013700.H55	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	2408/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1443	1.013759.H55	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tư thục	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1444	1.013701.H55	Thủ tục điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	2408/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1445	1.013764.H55	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;	2406/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1446	2.002795.H55	Cấp giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao	891/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1447	3.000470.H55	Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1448	3.000472.H55	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1449	3.000475.H55	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1450	3.000471.H55	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1451	3.000488.H55	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường.	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1452	3.000473.H55	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1453	3.000478.H55	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1454	3.000481.H55	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc						
1455	3.000482.H55	Thủ tục cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1456	3.000485.H55	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1457	3.000483.H55	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước						
1458	3.000484.H55	Thủ tục đăng ký cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1459	3.000487.H55	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1460	3.000476.H55	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1461	3.000477.H55	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1462	3.000486.H55	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1463	1.013223.H55	Công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III/chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho hội viên của mình	2301/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1464	1.012655.H55	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung (Cấp Tỉnh)	2409/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1465	1.013218.H55	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	2301/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1466	1.012660.H55	Thủ tục đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt nam (Cấp Tỉnh)	2409/QĐ-UBND	Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1467	1.013825.H55	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	1063/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1468	1.013945.H55	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	1063/QĐ-UBND.	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1469	1.013823.H55	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất	1063/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất						
1470	1.013826.H55	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	1063/QĐ-UBND.	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1471	1.013980.H55	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền	1063/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài						

1472	1.004844.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	2422/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
1473	1.013994.H55	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	1063/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1474	1.013831.H55	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê	1063/QĐ-UBND.	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm						
1475	1.013833.H55	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	2354/QD-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1476	1.013988.H55	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	2354/QD-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1477	1.010000.H55	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	2422/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

1478	1.013992.H55	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	1063/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1479	1.013993.H55	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	1063/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1480	1.013946.H55	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	1063/QĐ-UBND.	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1481	1.013977.H55	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy	1063/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu						
1482	1.013995.H55	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký	1063/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1483	1.013947.H55	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	2354/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1484	1.004794.H55	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	2359/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1485	1.004943.H55	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	222/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1486	1.003851.H55	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)	73/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1487	1.004683.H55	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	222/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1488	2.001694.H55	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thuỷ sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	2359/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1489	1.013861.H55	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh	2355/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Khí tượng, thủy văn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1490	1.013863.H55	Phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh	2355/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Khí tượng, thủy văn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1491	1.013799.H55	Lấy ý kiến về tác động của công trình khai thác nước	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1492	1.008672.H55	Phê duyệt Phương án khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	38/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1493	1.004150.H55	Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen	224/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1494	1.004117.H55	Đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	224/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1495	1.004096.H55	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen	224/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1496	2.000130.H55	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	2249/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1497	1.000159.H55	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	2249/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1498	3.000453.H55	Thủ tục cấp đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	891/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1499	1.014022.H55	Thả động vật nuôi sinh sản tại cơ sở nuôi, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học về môi trường tự nhiên	38/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

				nước ngoài; Hợp tác xã				
1500	3.000496.H55	Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES	39/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1501	1.004819.H55	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES	39/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1502	1.008908.H55	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2495/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1503	1.008909.H55	Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài	2495/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1504	1.008910.H55	Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	2495/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1505	1.013932.H55	Sử dụng tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của nhà nước.	2330/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn thư và Lưu trữ nhà nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1506	1.008907.H55	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	2495/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1507	1.0089 11.H55	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2495/QĐ-UBND	Tổ chức nước ngoài	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1508	1.0139 34.H55	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ	2330/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn thư và Lưu trữ nhà nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1509	1.0139 37.H55	Công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt.	2330/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn thư và Lưu trữ nhà nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1510	1.0140 10.H55	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1511	1.0140 11.H55	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

				tác xã				
1512	1.014069.H55	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc.	238/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Dược phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1513	1.000981.H55	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1514	1.000948.H55	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1515	1.000363.H55	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1516	1.000911.H55	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1517	1.000162.H55	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1518	1.000949.H55	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1519	1.000172.H55	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1520	1.000667.H55	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1521	2.000209.H55	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	2394/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1522	1.014111.H55	Thi tuyển công chức	250/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
1523	1.014113.H55	Xét tuyển công chức	250/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
1524	2.000046.H55	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	2394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	chất lượng sản phẩm hàng hóa (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1525	1.0141 16.H55	Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	250/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
1526	1.0141 25.H55	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	248/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Khoáng sản (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1527	1.0141 26.H55	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	248/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Khoáng sản (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1528	1.0141 27.H55	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	248/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Khoáng sản (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1529	1.0141 02.H55	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	580/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Dược phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1530	1.014092.H55	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	580/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Dược phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1531	1.014099.H55	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	270/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Dược phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1532	1.014076.H55	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	270/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Dược phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1533	1.014100.H55	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	580/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Dược phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1534	1.014104.H55	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	270/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Dược phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1535	1.014090.H55	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	270/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Dược phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1536	1.014105.H55	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	270/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Dược phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1537	1.014087.H55	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	270/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Dược phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1538	1.014078.H55	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	270/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Dược phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1539	1.014101.H55	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	580/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Dược phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1540	1.013216.H55	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	2301/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1541	3.000507.H55	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý	283/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		tương đương						
1542	3.000508.H55	Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	283/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1543	3.000506.H55	Thủ tục giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương	283/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1544	3.000501.H55	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý	282/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1545	1.0141 28.H55	Cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án	345/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
1546	1.0141 38.H55	Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	345/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo hiểm y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
1547	1.0141 39.H55	Ký phụ lục hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	345/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Bảo hiểm y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
1548	3.0004 99.H55	Thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	887/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Bảo hiểm y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
1549	1.0141 37.H55	Thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế	345/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo hiểm y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai

1550	1.014140.H55	Thủ tục thanh toán trực tiếp chi phí khám bệnh, chữa bệnh giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và người tham gia bảo hiểm y tế	345/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo hiểm y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
1551	1.002238.H55	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	364/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1552	1.000694.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AANZ	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1553	1.000695.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu E	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1554	1.000603.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AK	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

1555	1.000432.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AJ	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1556	2.000303.H55	Xuất nhập khẩu Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AI	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1557	1.014119.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VI	435/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1558	1.000676.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1559	2.000260.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu X	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

1560	1.000686.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VJ	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1561	1.001370.H55	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất, kho ngoại quan, khu phi thuế quan và các khu vực hải quan riêng khác có quan hệ xuất nhập khẩu với nội địa	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1562	1.001274.H55	Cấp Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ (CNM)	110/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1563	1.001380.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cấp sau	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

1564	1.001298.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa gửi kho ngoại quan đến các nước thành viên theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1565	1.003522.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) giáp lưng	110/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1566	1.000450.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi mẫu B	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1567	1.007968.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu AHK	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1568	1.013643.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9	435/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

1569	1.000430.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hóa xuất khẩu đi Châu Phi)	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1570	1.008667.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu EUR.1	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1571	1.013642.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP	435/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1572	1.000665.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu D	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1573	1.000398.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu)	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

1574	1.003477.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Peru	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1575	1.003400.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1576	1.002960.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Venezuela	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1577	2.001372.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1578	1.000382.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EAV	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

1579	1.010056.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA	110/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1580	1.010762.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu RCEP	110/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1581	1.000664.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VC	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1582	1.000431.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VK	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1583	1.008361.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

1584	1.000490.H55	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi một chiều mẫu A	110/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1585	1.001383.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O)	435/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1586	1.008882.H55	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	435/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1587	1.000366.H55	Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	435/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1588	1.014155.H55	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	991/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

1589	1.014201.H55	Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	1234/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1590	1.014156.H55	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	991/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
1591	1.014158.H55	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	991/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
1592	1.014157.H55	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	991/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
1593	1.014159.H55	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	991/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

1594	1.014203.H55	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ, đánh giá kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc.	556/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Dược phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1595	1.014198.H55	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	1234/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1596	1.014200.H55	Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	1234/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1597	1.014197.H55	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	1234/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1598	1.014199.H55	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	1234/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1599	1.014196.H55	Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	1234/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1600	1.014190.H55	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng)	1177/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1601	1.014191.H55	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng).	1177/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1602	1.014192.H55	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng).	1177/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1603	1.014218.H55	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	584/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1604	1.014217.H55	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	584/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1605	3.000494.H55	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	910/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

1606	1.003068.H55	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT	895/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Dược phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1607	1.014193.H55	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	887/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Bảo hiểm y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
1608	1.014291.H55	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1609	1.014257.H55	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1610	1.014279.H55	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1611	1.014261.H55	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1612	1.014265.H55	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1613	1.014262.H55	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1614	1.014270.H55	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1615	1.014283.H55	Chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1616	1.0142 71.H55	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1617	1.0142 89.H55	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1618	1.0142 77.H55	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1619	1.0142 92.H55	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1620	1.0142 67.H55	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1621	1.0142 81.H55	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1622	1.0142 64.H55	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1623	1.0142 76.H55	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1624	1.0142 66.H55	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1625	1.0142 80.H55	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1626	1.014263.H55	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1627	1.014260.H55	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1628	1.014274.H55	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1629	1.014278.H55	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1630	1.014295.H55	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1631	1.0142 73.H55	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1632	1.0142 69.H55	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1633	1.0142 82.H55	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1634	1.0142 68.H55	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1635	1.0142 56.H55	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp Tỉnh)	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1636	1.014290.H55	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	1085/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1637	2.000024.H55	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	1000	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1638	2.002005.H55	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	1000	Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1639	1.000016.H55	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	1000	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1640	2.000005.H55	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	1000	Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1641	2.002004.H55	Thủ tục thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư (cấp tỉnh)	1000	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1642	1.014319.H55	THỦ TỤC TUYỂN CHỌN KIẾN TRÚC SƯ TRƯỞNG CẤP BỘ, CẤP TỈNH, DỰ ÁN	1114/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Lao động (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1643	1.014316.H55	Hỗ trợ chi phí	1137/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Hỗ trợ đầu tư (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1644	1.014333.H55	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học công lập	1250/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
1645	1.014334.H55	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong trường trung học phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục, trường trung học phổ thông trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	1250/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai

1646	1.0143 39.H55	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1344/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1647	1.0143 52.H55	Thủ tục tuyển chọn chuyên gia	1343/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Lao động (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
1648	1.0143 59.H55	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	1489/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
1649	1.0143 46.H55	Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản (cấp tỉnh)	1488/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã; Đảng viên	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1650	2.0028 11.H55	Phê duyệt Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	1560/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1651	2.0028 13.H55	Chấm dứt hoạt động của Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	1560/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1652	2.0028 12.H55	Gia hạn hoặc điều chỉnh Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	1560/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1653	1.0143 83.H55	Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	1602/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1654	1.0143 92.H55	Thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	1953/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1655	1.0143 88.H55	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài	1637/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1656	1.0143 89.H55	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	1637/QĐ-UBND.	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1657	1.0143 94.H55	Thành lập đơn vị trực thuộc ở nước ngoài của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	1637/QĐ-UBND.	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1658	1.0143 90.H55	Thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	1953/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1659	1.0143 91.H55	Cấp Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	1953/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1660	1.014393.H55	Công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển (Sở Khoa học và Công nghệ)	1637/QĐ-UBND.	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1661	1.014411	Chấp thuận đề nghị đấu nối vào đường tỉnh	1603/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1662	1.014412	Chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường tỉnh, đường đô thị và đường khác do Sở Xây dựng quản lý	1603/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1663	1.014413	Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường tỉnh, đường đô thị và đường khác do Sở Xây dựng quản lý	1603/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1664	1.002968.H55	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng bán hàng	1601/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Thương mại điện tử (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1665	1.001335.H55	Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước	1601/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1666	1.000758.H55	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo website thương mại điện tử bán hàng	1601/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thương mại điện tử (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1667	1.000799.H55	Sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	110/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Thương mại điện tử (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1668	1.000421.H55	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa	1601/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1669	1.009755.H55	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý	1599/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1670	1.014437.H55	Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, Giấy công nhận cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo	1908/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1671	1.014445.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (Nghị định số 268/2025/NĐ-CP)	1908/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1672	1.014446.H55	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (Nghị định số 268/2025/NĐ-CP)	1908/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1673	1.0144 44.H55	Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước	1908/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1674	1.0144 38.H55	Thủ tục công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh	1908/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1675	1.0144 40.H55	Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh	1908/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1676	1.0144 32.H55	Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	1908/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1677	1.0144 33.H55	Thủ tục công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	1908/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1678	1.0144 35.H55	Thủ tục công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	1908/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1679	1.0144 53.H55	Thủ tục đề nghị hỗ trợ lãi suất vay.	1908/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1680	1.0144 54.H55	Thủ tục đề xuất tham gia chương trình hỗ trợ voucher.	1908/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1681	1.0144 52.H55	Thủ tục sửa đổi, chấm dứt Hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.	1908/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1682	1.0144 39.H55	Thủ tục công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo	1908/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1683	1.0144 31.H55	Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh	1908/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1684	1.0144 36.H55	Thủ tục công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo	1908/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1685	1.0144 61.H55	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1953/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1686	1.0144 60.H55	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.	1953/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1687	1.014459.H55	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1953/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1688	1.014464.H55	Thủ tục cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.	2193/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1689	1.014465.H55	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.	2005/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1690	1.014466.H55	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	2291/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1691	1.0141 44.H55	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	125/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức nước ngoài	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1692	1.0107 04.H55	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN	2302/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1693	1.0028 17.H55	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD	2302/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1694	1.0107 02.H55	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	2302/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1695	1.0003 02.H55	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia	2302/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1696	1.002829.H55	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS	2302/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1697	1.001692.H55	Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	2302/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1698	1.001725.H55	Cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	2302/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1699	1.000321.H55	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia	2302/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1700	1.001717.H55	Cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	2302/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1701	1.001666.H55	Chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	2302/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1702	1.0145 25.H55	Thủ tục xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (cấp tỉnh)	2297/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1703	1.0094 79.H55	Xét cấp giấy phép lái tàu	2422/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1704	1.0145 44.H55	Thủ tục hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nhà khoa học xuất sắc có thành tích nổi bật trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (cấp tỉnh)	2425/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1705	1.0145 51.H55	Thủ tục hỗ trợ công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế (cấp tỉnh)	2425/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1706	1.0145 53.H55	Thủ tục hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng (cấp tỉnh)	2425/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1707	1.0145 26.H55	Thủ tục thực hiện điều chỉnh, chấm dứt thực hiện hợp đồng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (cấp tỉnh)	2297/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1708	1.0145 36.H55	Thủ tục hỗ trợ tổ chức hội thảo khoa học tại Việt Nam (cấp tỉnh)	2425/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1709	1.0145 38.H55	Thủ tục hỗ trợ hoạt động sáng kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật hoặc hợp lý hóa sản xuất (cấp tỉnh)	2425/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1710	1.0145 49.H55	Thủ tục hỗ trợ tham dự và báo cáo kết quả nghiên cứu tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế (cấp tỉnh)	2425/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1711	1.0145 37.H55	Thủ tục hỗ trợ phát triển tạp chí khoa học (cấp tỉnh)	2425/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1712	1.0145 40.H55	Thủ tục hỗ trợ thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài (cấp tỉnh)	2425/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1713	1.0145 42.H55	Thủ tục hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu viên sau tiến sĩ (cấp tỉnh)	2425/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1714	1.0145 41.H55	Thủ tục hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ và học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ (cấp tỉnh)	2425/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1715	1.0145 47.H55	Thủ tục hỗ trợ mời nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn (cấp tỉnh)	2425/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1716	1.0145 39.H55	Thủ tục hỗ trợ hoạt động truyền thông khoa học , công nghệ và đổi mới sáng tạo phổ biến tri thức (cấp tỉnh)	2425/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1717	1.0145 65.H55	Đăng ký kinh doanh lần đầu, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, đăng ký cấp lại, hiệu đính thông tin đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học công nghệ, chi nhánh của tổ chức khoa học công nghệ	2514/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Khoa học công nghệ (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1718	1.0145 66.H55	Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký, chấm dứt kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	2514/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Khoa học công nghệ (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1719	1.014567.H55	Đề nghị thu hồi giấy tờ trong trường hợp có căn cứ xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ là giả mạo	2514/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Khoa học công nghệ (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1720	2.002819.H55	Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung thông tin Giấy chứng nhận thuỷ sản, sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu xuất khẩu vào Hoa Kỳ (COA)	04/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1721	1.014609.H55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật	2691/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1722	1.014610.H55	Thủ tục bồi hoàn chi phí thực hiện việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước (cấp tỉnh)	2691/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1723	1.014612.H55	Thủ tục cấp giấy phép làm bản sao di sản tư liệu được ghi vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu (cấp tỉnh)	2691/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1724	1.014613.H55	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	2691/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1725	1.0146 14.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật	2691/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1726	1.0146 15.H55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật	2691/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1727	1.0146 16.H55	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật	2691/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1728	1.0146 08.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật	2691/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1729	1.0146 11.H55	Thủ tục cấp giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật	2691/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1730	1.0146 29.H55	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành, giải thể hoặc phá sản	36/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1731	1.0146 05.H55	Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng	37/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1732	1.0140 37.H55	Thủ tục công bố tiêu chuẩn chất lượng vị thuốc cổ truyền, dược liệu	30/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1733	2.0028 20.H55	Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	79/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1734	1.0146 30.H55	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	38/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1735	2.0028 26.H55	Gia hạn Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	77/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1736	2.0028 24.H55	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	77/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1737	2.0028 28.H55	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	77/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1738	2.0028 25.H55	Cấp lại Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	77/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1739	2.0028 27.H55	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	77/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1740	1.0146 77.H55	Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)	78/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1741	1.0146 78.H55	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp))	78/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1742	1.0146 75.H55	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET	78/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		(PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)		tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã				
1743	1.0146 79.H55	Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	78/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1744	1.0146 74.H55	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)	78/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1745	1.0146 76.H55	Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử	78/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp,	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

		dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)		HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã				
1746	2.0027 61.H55	Thủ tục xác nhận cán bộ Quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo	113/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
1747	1.0147 22.H55	Cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	135/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1748	1.0147 26.H55	Thủ tục cấp điều chỉnh Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	135/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1749	1.0147 32.H55	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	135/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1750	1.0147 30.H55	Thủ tục cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	135/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1751	1.0147 29.H55	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	135/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1752	2.0028 36.H55	Thủ tục cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	135/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1753	1.0147 25.H55	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh	135/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1754	1.0147 23.H55	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh	135/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1755	1.0147 21.H55	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện	135/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1756	1.0147 14.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện	135/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1757	2.0028 34.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện	135/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1758	1.0147 24.H55	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	135/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1759	1.0147 28.H55	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	135/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1760	1.0147 35.H55	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	135/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1761	1.0147 34.H55	Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất kiểm soát đặc biệt nhóm 2	135/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1762	1.0147 33.H55	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	135/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1763	1.0147 31.H55	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	135/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1764	1.0147 20.H55	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện	135/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1765	1.0147 10.H55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện	135/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1766	1.003683.H55	Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất	135/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hóa chất (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
1767	2.002840.H55	Thủ tục hỗ trợ sáng tác tác phẩm văn học (cấp tỉnh)	175/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn học (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1768	2.002839.H55	Thủ tục lựa chọn đề cương để hỗ trợ viết, sáng tác tác phẩm văn học (cấp tỉnh)	175/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn học (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1769	1.014747.H55	Hỗ trợ người lao động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề (Cấp tỉnh)	173/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1770	2.002835.H55	Đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	180/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1771	1.014716.H55	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành hoặc đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	180/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1772	1.0147 45.H55	Tham gia bảo hiểm thất nghiệp (Cấp tỉnh)	173/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1773	1.0147 46.H55	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm (Cấp tỉnh)	173/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1774	1.0147 54.H55	Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động (Cấp tỉnh)	173/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1775	1.0147 50.H55	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh)	173/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1776	1.0147 51.H55	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh)	173/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1777	1.0147 52.H55	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh)	173/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1778	1.0147 53.H55	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh)	173/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1779	1.0147 49.H55	Thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm (Cấp tỉnh)	173/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1780	1.0147 36.H55	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	211/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

1781	1.0148 18.H55	Cấp điều chỉnh Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	215/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	công nghiệp hỗ trợ (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1782	1.0148 20.H55	Cấp lại Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	215/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	công nghiệp hỗ trợ (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1783	2.0028 47.H55	Thủ tục đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập	288/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1784	1.0148 37.H55	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	225/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1785	1.0148 39.H55	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	225/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1786	1.0148 38.H55	Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	225/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1787	1.014779.H55	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	221/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1788	1.014778.H55	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	221/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1789	1.014777.H55	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	221/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1790	2.002842.H55	Đề nghị hoàn trả số tiền thuê lại đất mà chủ đầu tư đã giảm cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê đất, thuê lại đất tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ	287/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Hỗ trợ doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1791	2.0014 27.H55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	223QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1792	1.0147 76.H55	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	223QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Hợp tác xã; Đảng viên	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1793	1.0025 60.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	223QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai
1794	1.0148 33.H55	Cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen	224/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai

1795	1.0148 61.H55	Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (cấp tỉnh)	367/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cấp Tỉnh	Công khai